

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên: Phạm Thị Hà Trang

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI AN HẢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên :Phạm Thị Hà Trang

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Hà Trang Mã SV: 1112401321

Lớp: QT1506K Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên
khai thác công trình thủy lợi An Hải

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Mô tả phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải.
- Đề xuất giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về thực trạng thực hiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải năm 2014.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải

Địa chỉ: 781 Đường Tôn Đức Thắng, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 04 năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 4 tháng 07 năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP	4
1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp	4
1.2. Một số khái niệm cơ bản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ...	4
1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh	10
1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp	11
1.4.1 Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu ...	11
1.4.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11
1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	14
1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác.....	17
1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	18
1.4.2.Kế toán chi phí	21
1.4.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán	21
1.4.2.2 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	24
1.4.2.3 Kế toán chi phí khác.....	29
1.4.2.4Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31
1.4.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	32
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp	33
1.5.1. Hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”.....	33
1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký chung	34
1.5.3. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái	35
1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	35
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	36
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI.	38
2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình	

thủy lợi An Hải.....	38
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	38
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải.....	39
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty	40
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải.....	42
2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	42
2.1.4.2 Hình thức kế toán, chế độ kế toán, phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải.	44
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải.....	45
2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tại Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải	45
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải.	45
2.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	52
2.2.1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	52
2.2.1.4 Kế toán thu nhập khác.....	57
2.2.2 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và chi phí khác tại công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải.....	57
2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán	57
2.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	63
2.2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng	63
2.2.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	63
2.2.2.5 Kế toán chi phí khác.....	73
2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV KTCT Thủy Lợi An Hải.....	73
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI	83

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải	83
3.1.1 Ưu điểm.....	83
3.1.2 Hạn chế.....	85
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải	87
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi An Hải	87
3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi An Hải.....	88
KẾT LUẬN	101

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Thực hiện đường lối phát triển kinh tế do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI khởi xướng: Đổi mới, mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, tất yếu hệ quả công cụ quản lý kinh tế, trong đó kế toán cũng phải đổi mới, mở cửa và hội nhập với kế toán Quốc tế. Mục tiêu của công cuộc cải cách kế toán Việt Nam là đạt được sự công nhận quốc tế về kế toán và phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế trong điều kiện mới. Kế toán Việt Nam hiện nay đã bắt nhịp được những đòi hỏi cơ bản yêu cầu quản lý kinh tế, từng hội nhập với kế toán quốc tế. Tuy nhiên, đổi mới luôn là một quá trình, đã có bước đi đầu tiên ắt sẽ phải đi những bước tiếp theo, thậm chí nhiều bước tiếp theo nữa. Hơn nữa, lộ trình cải cách kế toán của Việt Nam là đi tắt đón đầu để bắt kịp với những bước tiến của kế toán hiện đại nên khó tránh khỏi những ngộ nhận, sai lầm trong nhận thức và thực hiện. Công tác kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh là nội dung trọng tâm trong tổ chức kế toán doanh nghiệp, ảnh hưởng có tính chất quyết định đến vai trò của kế toán trong hệ công cụ quản lý kinh tế của Doanh nghiệp cũng như các chủ thể quản lý. Vì vậy, không ngừng nghiên cứu hoàn thiện lý luận và thực tiễn tổ chức kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh trong hệ thống kế toán Doanh nghiệp Việt Nam thực sự cần thiết trong điều kiện hiện nay.

Trong nền kinh tế thị trường, kế toán trong Doanh nghiệp được coi như là ngôn ngữ kinh doanh, là phương tiện giao tiếp giữa Doanh nghiệp với các đối tượng liên quan với Doanh nghiệp. Để góp phần quan trọng trong việc thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, thực hiện yêu cầu tổ chức công tác kế toán trong Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải. Hiện nay, Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải đã chuyển đổi xong hình thức sở hữu, huy động vốn từ các thành phần kinh tế để phát triển. Sự xuất hiện thêm các chủ sở hữu, các đối thủ cạnh tranh đang đặt ra yêu cầu ngày càng cao về chất lượng thông tin Kinh tế của các Doanh nghiệp. Vì vậy, tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp không chỉ chịu tác động của công cuộc cải cách Kế toán mà còn chịu tác động sâu sắc sau khi chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành Công ty TNHH Một Thành Viên. Do đó, phân tích, đánh giá, tổng kết thực trạng, xác định nguyên nhân, đề xuất định hướng hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải hiện nay có ý nghĩa quan trọng. Một mặt giúp Doanh nghiệp sử dụng có hiệu quả thông tin do kế toán cung cấp để quản lý, điều hành đơn vị tạo cơ sở để các đơn vị vững vàng, tự tin trên lộ trình hội

nhập khu vực và quốc tế, góp phần tiết kiệm hao phí lao động xã hội, sử dụng hợp lý có hiệu quả nguồn lực hiện có. Mặt khác, giúp cơ quan Nhà nước có được các thông tin, kinh nghiệm cần thiết để hoàn thiện hơn công cuộc cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước sau khi cổ phần hóa.

Từ những lý do trên, việc nghiên cứu đề tài: **”Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải”** là hết sức cần thiết.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài.

Trên cơ sở phân tích xu hướng kế toán Quốc tế, đánh giá công cuộc cải cách kế toán, chính sách phát triển kinh tế thị trường của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, tiếp cận với các thông lệ, khái niệm, nguyên tắc, chuẩn mực kế toán quốc tế được thừa nhận nhằm tổng hợp rút ra những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất hiện nay.

Từ nghiên cứu phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải trong hệ thống kế toán Việt Nam trên cả hai phương diện Kế toán tài chính và Kế toán quản trị, luận văn đề xuất nội dung và điều kiện hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải hiện nay trên cả hai phương diện KTTC và KTQT.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài.

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải hiện nay. Trong bối cảnh mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, kéo theo sự hội nhập của kế toán, nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải công tác kế toán dựa trên nền tảng của các nguyên tắc Chuẩn mực kế toán quốc tế được thừa nhận về chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh đồng thời phải phù hợp với các quy định quản lý thống nhất của Nhà nước về Kế toán doanh nghiệp bao gồm: tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ và báo cáo kế toán liên quan đến nội dung chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn tập trung nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải.

Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng, sử dụng các phương

pháp cụ thể như: Điều tra khảo sát thực tiễn, thống kê, phân tích, so sánh.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

Luận văn đã củng cố và làm sáng tỏ thêm lý luận cơ bản về tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, hoạt động xây lắp phù hợp với các nguyên tắc, thông lệ, chuẩn mực quốc tế và kế toán của một số nước kinh tế phát triển. Xác định rõ các nguyên tắc, cơ sở, phương pháp ghi nhận và trình bày các thông tin về chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp trong BCTC. Cung cấp kinh nghiệm để nâng cao vai trò của kế toán trong công tác quản trị Doanh nghiệp, đặc biệt là khả năng cung cấp thông tin của kế toán để kiểm soát và quản lý chi phí, doanh thu và kết quả của các doanh nghiệp.

Luận văn đã phân tích, tổng hợp những ưu điểm và tồn tại của môi trường pháp lý về kế toán liên quan đến tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp. Thông qua kết quả thực tế tại Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi, luận văn đã chỉ rõ những tồn tại và những nguyên nhân của những tồn tại trong công tác kế toán chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh của các Doanh nghiệp hoạt động xây lắp hiện nay, cung cấp những luận cứ khoa học và thực tiễn cho các giải pháp hoàn thiện.

Luận văn đề xuất những giải pháp và điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp. Những kết quả nghiên cứu của luận văn về lý luận chung và môi trường pháp lý về kế toán có thể áp dụng chung cho mọi Doanh nghiệp thuộc loại hình Doanh nghiệp xây lắp.

5. Kết cấu của luận văn.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được trình bày trong ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP

1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp

► **Đối với doanh nghiệp:** Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có những ý nghĩa sau:

- Xác định hiệu quả từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Có căn cứ để thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

► **Đối với Nhà nước:** Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mà các cơ quan thuế xác định được các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách nhà nước. Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước còn đem đến một nguồn thu ổn định cho Ngân sách và đảm bảo cho đầu tư Nhà nước không bị thất thoát.

► **Đối với nhà đầu tư và nhà cung cấp:** Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa lớn vì khi nhà tổ chức xác định được kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính sẽ phân tích được hoạt động của doanh nghiệp để ra những quyết định đầu tư đúng đắn.

► **Đối với tổ chức trung gian tài chính:** Các số liệu về doanh thu, chi phí và kết quả sản xuất kinh doanh là căn cứ để ra quyết định đầu tư.

1.2. Một số khái niệm cơ bản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp, không được coi là doanh thu. Doanh thu bao gồm:

► *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản

phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực số 14 ban hành và công bố theo quyết định số 149/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đó chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Doanh nghiệp đó thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng.
- Xác định các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Theo chuẩn mực số 14 thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc hạch toán doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay sẽ thu

tiền.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa VAT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hặc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định bằng số tiền nhận trước chia cho số năm trả tiền trước.

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công.

Các phương thức bán hàng:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương pháp giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại khi, tại các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được coi là tiêu thụ.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương pháp này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi trước vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ thì lợi ích và rủi ro được quyền giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa được thực hiện vào thời điểm bên bán ghi nhận doanh thu bán hàng.

- Phương thức bán hàng qua đại lý: Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp (bên giao đại lý) giao hàng cho cơ sở (đại lý) nhận bán hàng đại lý, ký

gửi để cơ sở này trực tiếp bán hàng. Số hàng giao đại lý này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên giao đại lý, cho đến khi bên đại lý thông báo bán được hàng hoặc thanh toán tiền hàng cho bên giao đại lý thì mới được coi là hàng hóa tiêu thụ và ghi nhận doanh thu. Đối với bên đại lý, hoa hồng bán hàng được nhận chính là doanh thu và phải nộp thuế GTGT trên khoản hoa hồng nhận được này.

- Phương thức bán hàng trả chậm trả góp: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để nhận được hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất được quy định trước trong hợp đồng.

- Phương thức hàng đổi hàng: là phương thức bán hàng mà DN đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa đổi lấy vật tư hàng hóa khác không giống với của DN. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa tương ứng trên thị trường.

➤ *Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:*

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán hàng giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn.

+ Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu với thị hiếu người mua.

+ Giá trị hàng hóa bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

➤ *Doanh thu thuần*

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi gửi ngân hàng, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
- Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

➤ *Thu nhập khác*

Thu nhập khác là: Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp như các khoản nhận được khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” bao gồm các khoản thu từ hoạt động không xảy ra thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Các khoản thu khác.

❖ **Chi phí:**

Theo chuẩn mực số 01 QĐ số 165/2002/QĐ – BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh và phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác. Chi phí bao gồm các khoản sau:

✓ *Giá vốn hàng bán*: là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ. Khi hàng hóa đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời trị giá hàng xuất bán cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

✓ *Chi phí quản lý kinh doanh*: Là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, quản lý của doanh nghiệp như chi phí quảng cáo, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí lương nhân viên, khấu hao tài sản cố định, các khoản phí và lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài...

✓ *Chi phí hoạt động tài chính*: Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính,

chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái...

✓ *Chi phí khác*: là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Nội dung chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác.

✓ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

❖ **Kết quả kinh doanh:**

Kết quả sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng của DN đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của DN bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động

tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\begin{aligned} \text{Doanh thu thuần về bán hàng} &= \text{Doanh thu bán hàng và} & - & \text{Các khoản giảm} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} & \text{cung cấp dịch vụ} & & \text{trừ doanh thu} \\ \text{Lợi nhận gộp về bán hàng và} &= \text{Doanh thu bán hàng và} & - & \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{cung cấp dịch vụ} & \text{cung cấp dịch vụ} & & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Doanh thu} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} \\ \text{thuần từ hoạt} & = & \text{gộp từ bán} & + & \text{hoạt động} & - & \text{tài} & - & \text{bán} & - & \text{QLDN} \\ \text{động kinh} & & \text{hàng và cung} & & \text{tài chính} & & \text{chính} & & \text{hàng} & & \\ \text{doanh} & & \text{cấp dịch vụ} & & & & & & & & \end{aligned}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{toán trước thuế} = \text{động kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu} = \text{Tổng lợi nhuận kế} - \text{Chi phí thuế thu nhập}$$

$$\text{nhập doanh nghiệp} = \text{toán trước thuế} - \text{doanh nghiệp}$$

1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh

Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh ngay thời điểm hiện tại và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đi đường, nhập kho...

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp như: giá vốn hàng bán, chi phí quản

lý bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp,... Từ đó đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phản ánh tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

- Xác định được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp

1.4.1 Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT Mẫu số: 01-GTKT3/001 (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng thông thường Mẫu số: 02-GTKT3/001 (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Các tài khoản cấp 2:

- + , TK 5111 “Doanh thu bán hàng hóa”
- + , TK 5112 “Doanh thu bán các thành phẩm”
- + , TK 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”
- + , TK 5118 “Doanh thu khác”

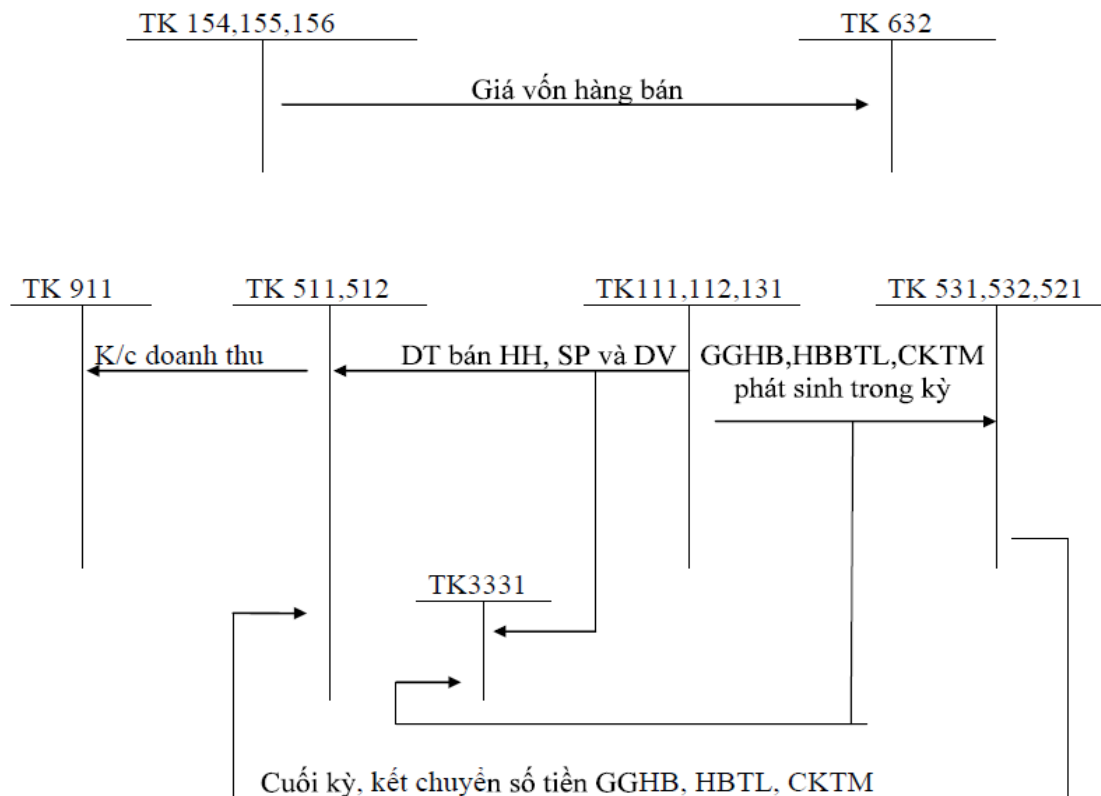
Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán. - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Doanh thu bán hàng bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

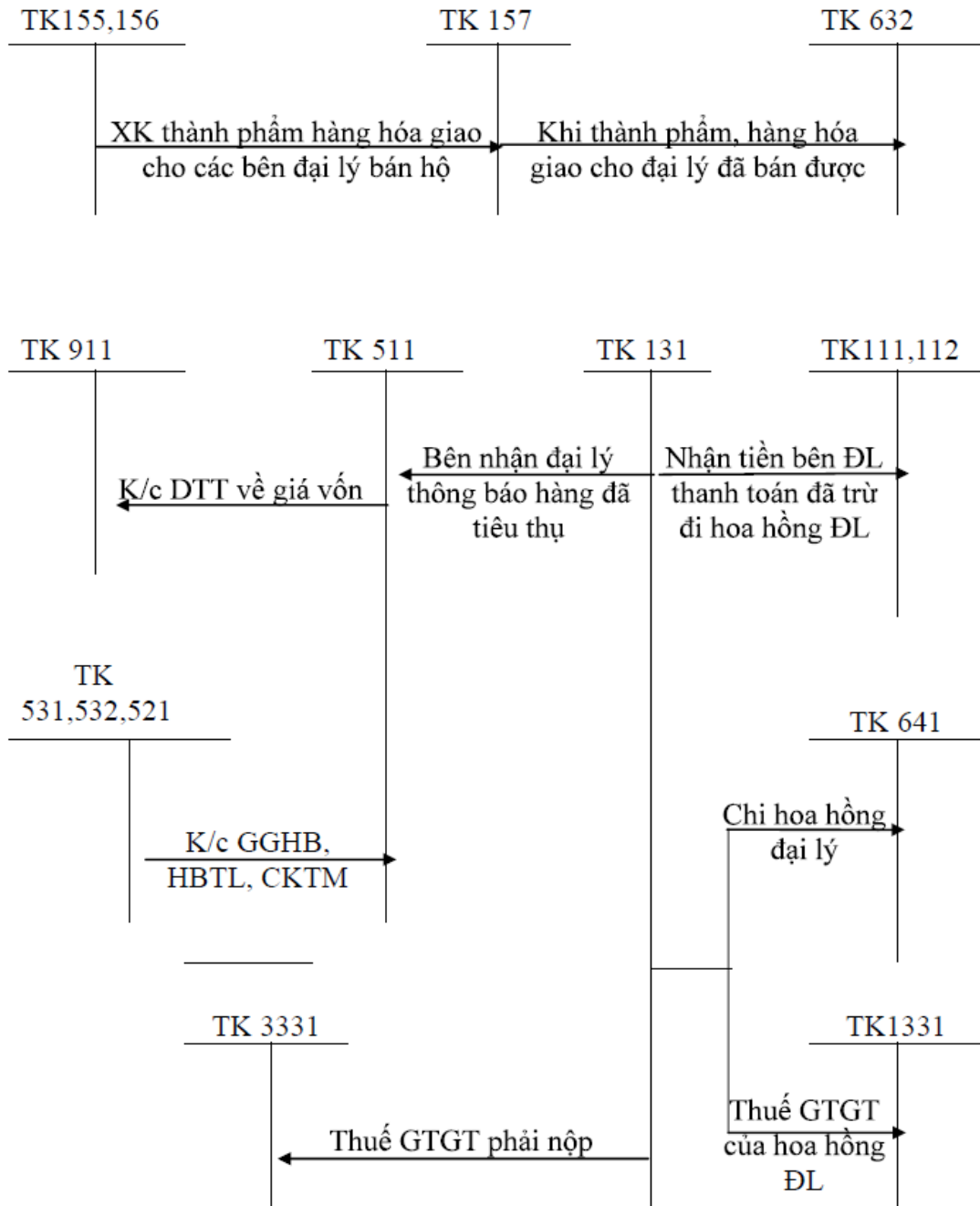
TK 511 không có số dư cuối kỳ

➤ **Phương thức hạch toán**

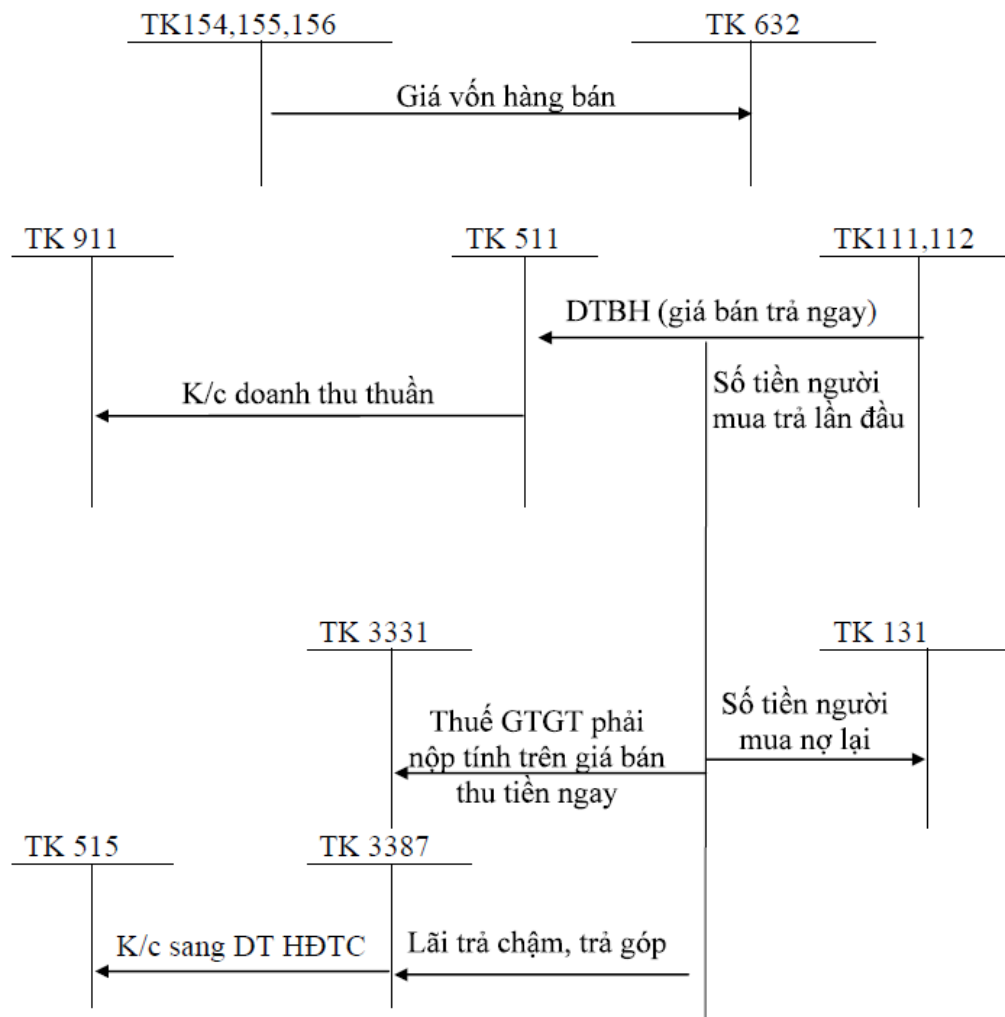
Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

➤ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có, báo lãi của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ liên quan khác

➤ Tài khoản sử dụng

TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

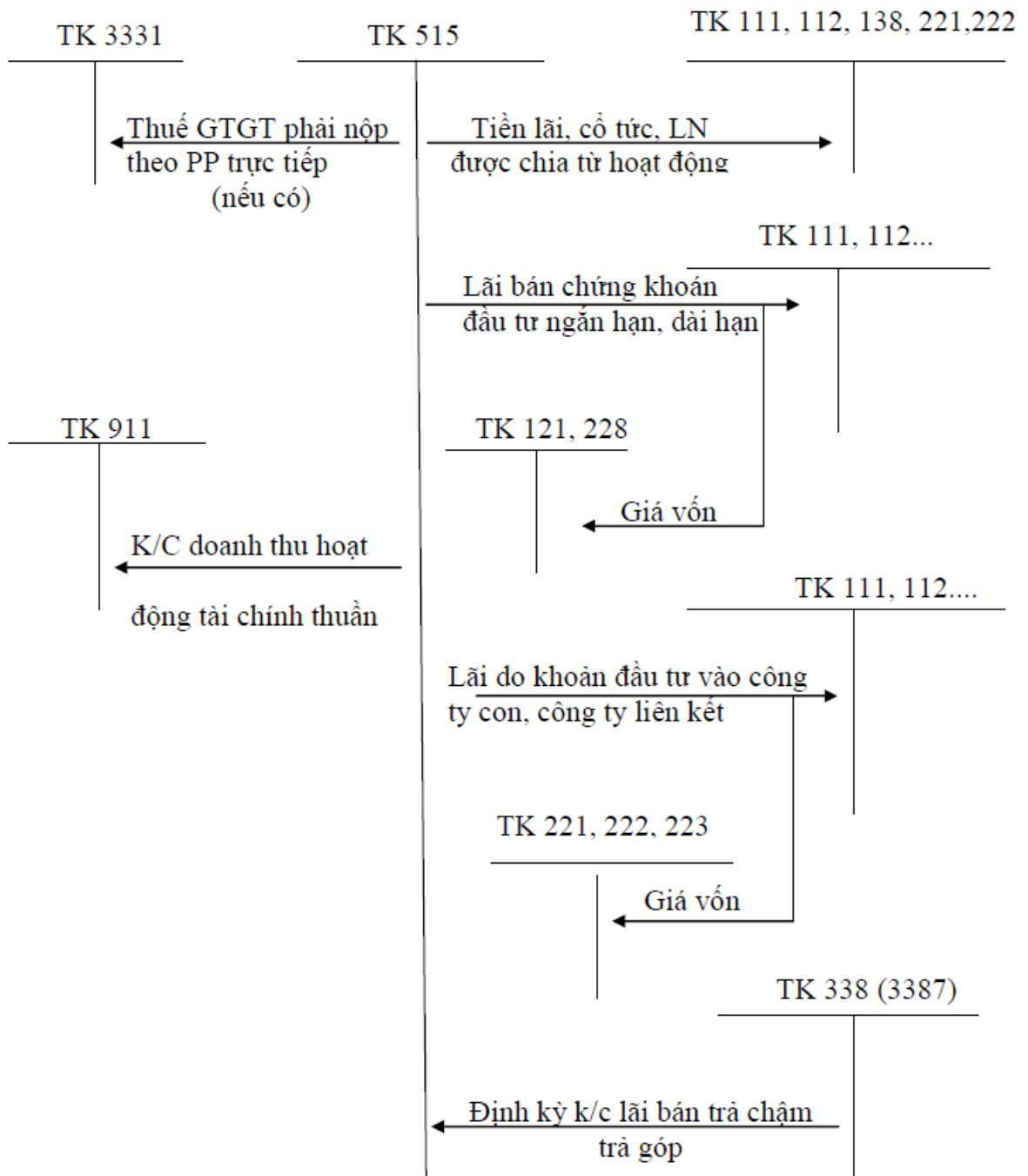
➤ **Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 		<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết liên doanh. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lại tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư. - Doanh thu hoạt động tài chính khác.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

~~TK 515 không có số dư cuối kỳ~~

➤ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán
- Biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng kinh tế...

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 711 “Thu nhập khác”**

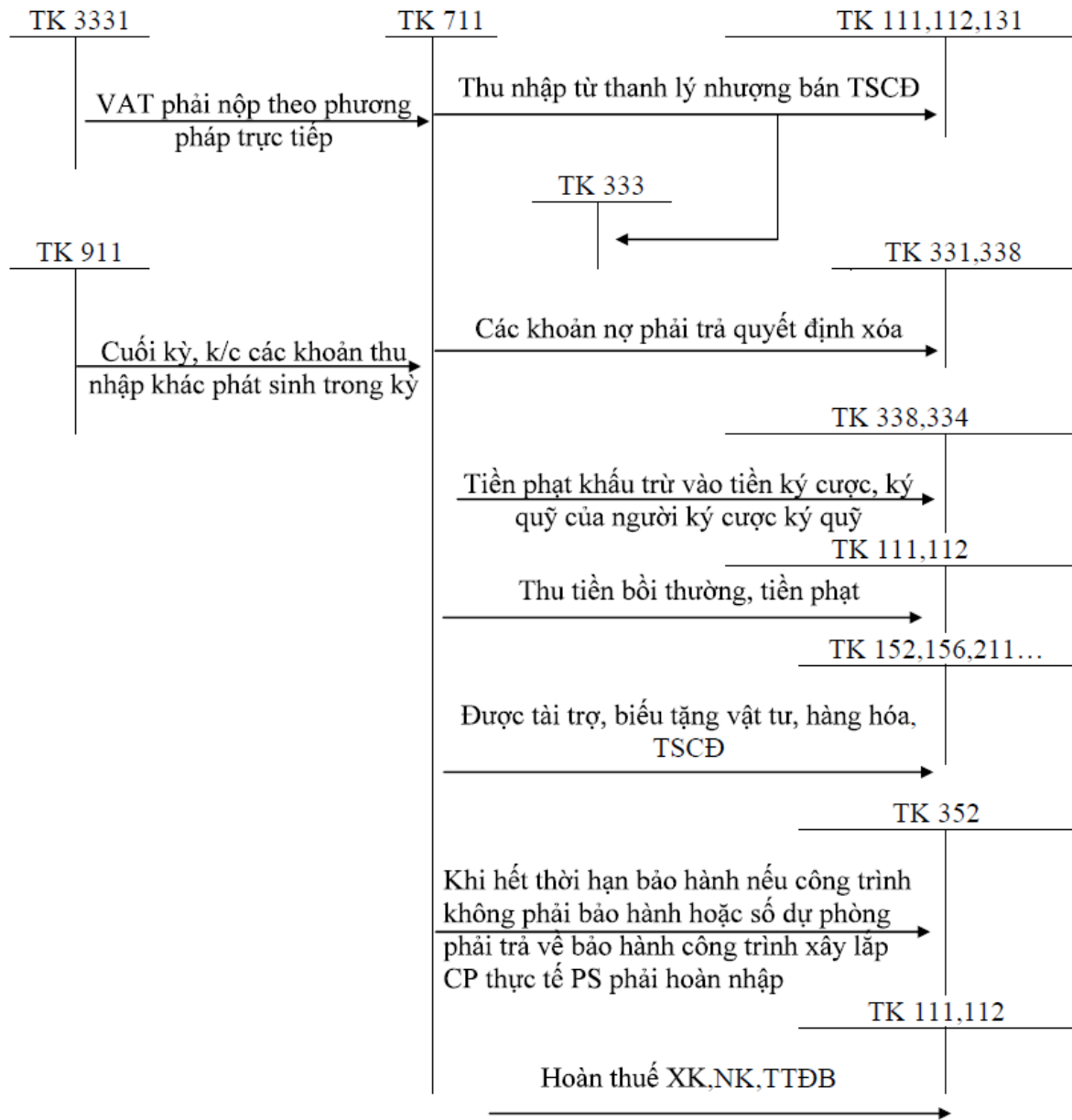
➤ **Kết cấu TK 711**

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

✕
TK 711 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5: Kế toán thu nhập khác



1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu phản ánh tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu được xác định trong kỳ báo cáo.

➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Hợp đồng mua bán.
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của Ngân hàng.

- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại.

➤ **Tài khoản sử dụng**

❖ **Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”**

Phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản CKTM.

Tài khoản 521 có kết cấu như sau:

Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

✕
TK 521 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Chỉ phản ánh vào tài khoản này giá trị của số hàng đã bán nay bị trả lại và được tính theo đúng đơn giá bán đã ghi trên hóa đơn trước đây.

Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng.

Tài khoản 531 có kết cấu như sau:

Nợ	TK 531	Có
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán		- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Tài khoản 512 - Doanh thu nội bộ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

✕
TK 531 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (Giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất. . .

Tài khoản 532 có kết cấu như sau:

Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.		- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

✕
TK 532 không có số dư cuối kỳ

❖ Thuế: Các khoản thuế làm giảm doanh thu như:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp: Thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu, được tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Thuế GTGT phải nộp = GTGT của hàng hóa, dịch vụ * Thuế suất thuế GTGT

$$GTGT = \frac{\text{Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra}}{\text{Giá thanh toán của hàng hóa dịch vụ mua vào tương ứng}} - \text{Thuế suất thuế GTGT}$$

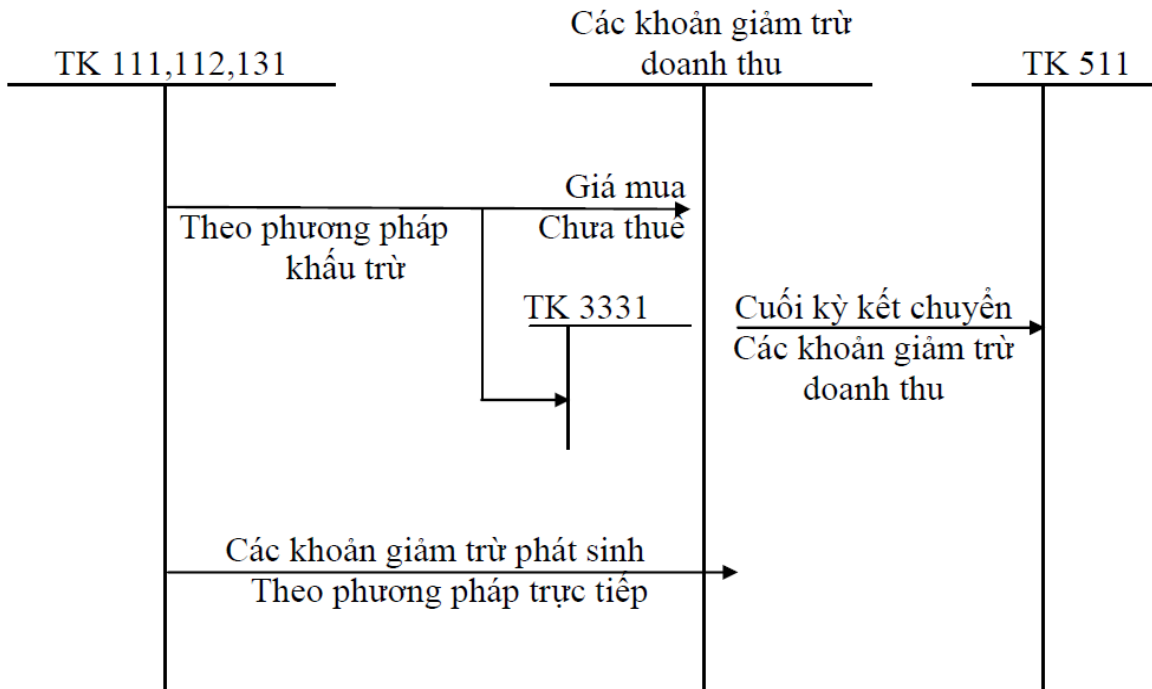
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB * thuế suất thuế TTĐB

- Thuế xuất khẩu: Là khoản thuế mà doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa mà hàng hóa đó phải chịu thuế xuất khẩu.

➤ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.6: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.4.2. Kế toán chi phí

1.4.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó chính là giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Có 4 phương pháp tính giá vốn hàng bán:

➤ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp bình quân gia quyền:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ. Nếu đơn giá bình quân cả kỳ được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn.

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

+ Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

➤ **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

➤ **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

➤ **Phương pháp thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng: TK 632 “Giá vốn hàng bán”**

+, Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

➤ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh + Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán. + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phân bổ thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. + Chi phí tự xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. + Khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước. - Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư. + Số khấu hao bất động sản đầu tư trích trong kỳ. + Chi phí sửa chữa nâng cao cải tạo bất động sản đầu tư không tính vào nguyên giá bất động sản đầu tư. + Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư bán thanh lý trong kỳ. + Chi phí cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ vào bên nợ tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh. - Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Khoản chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

~~TK 632 không có số dư cuối kỳ~~

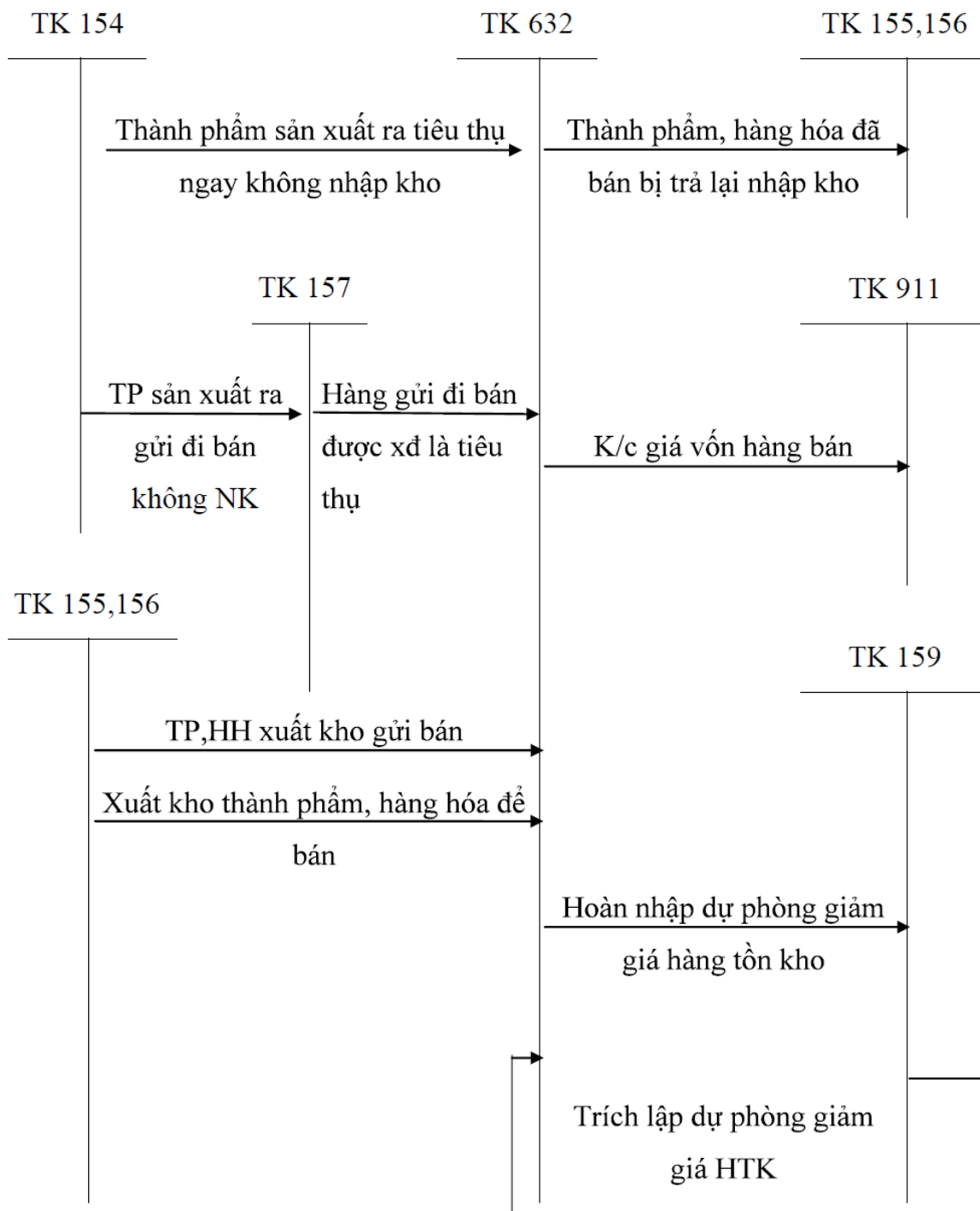
+, Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của hàng tồn kho đầu kỳ. - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa xuất bán vào bên nợ TK 911 - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ TK 911
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

~~TK 632 không có số dư cuối kỳ~~

➤ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí giá vốn hàng bán



1.4.2.2 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

✓ Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ trong thời kỳ theo quy định của chế độ tài chính

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ..
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng** Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng được mở chi tiết thành 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Tài khoản 6415 - Chi phí bào hành - Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác.

➤ **Tài khoản 641 có kết cấu như sau:**

Nợ	TK 641	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.	- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

~~TK 641 không có số dư cuối kỳ~~

✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

➤ **Chứng từ sử dụng.**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi

- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 642**

TK 642– Chi phí quản lý doanh nghiệp

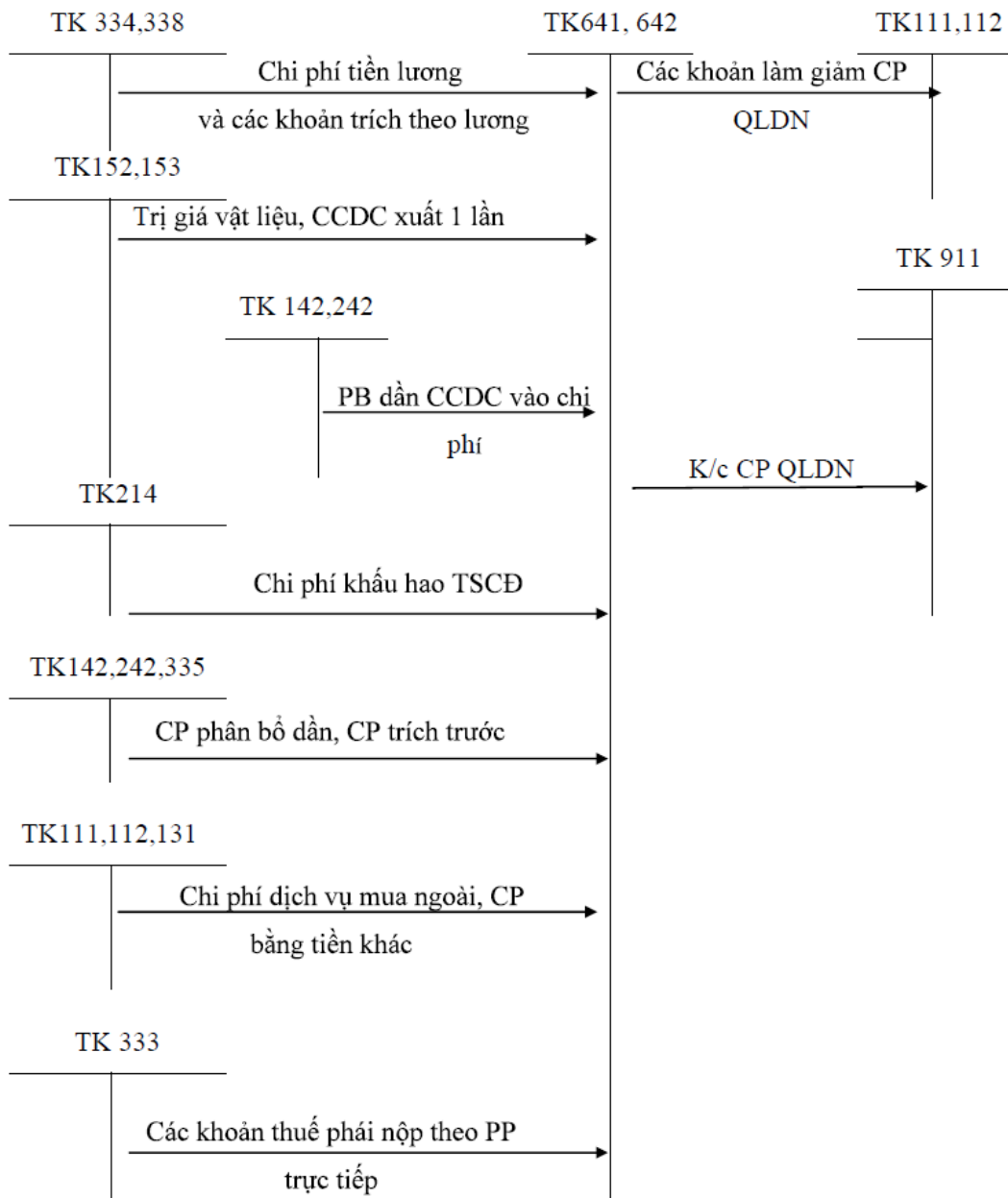
Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả - Dự phòng trợ cấp mất việc làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có



TK 6422 không có số dư cuối kỳ

➤ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.1.1.1 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi, giấy báo có
- Phiếu kế toán...

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính”**

Tài khoản 635 có kết cấu như sau:

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự	

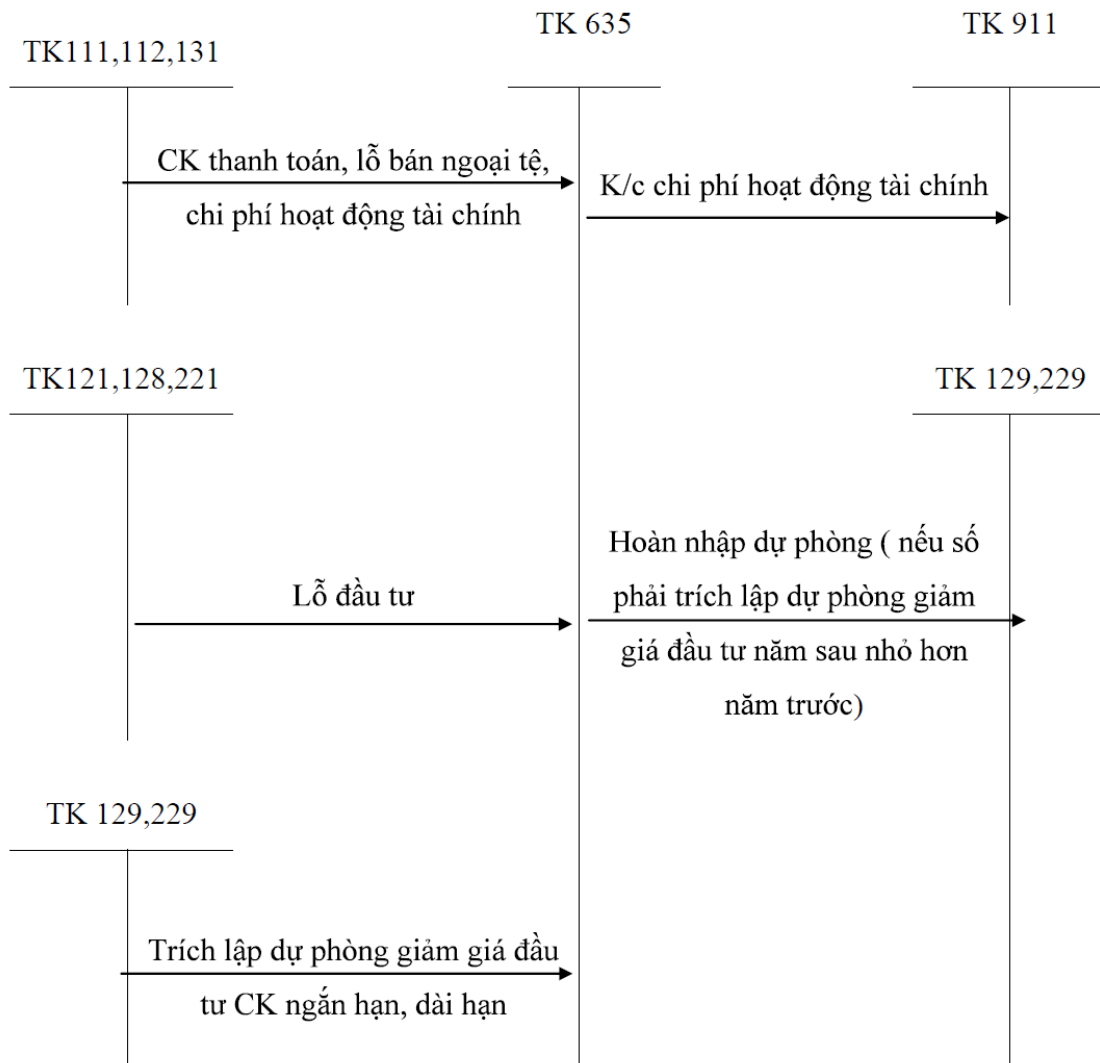
<ul style="list-style-type: none"> - Lỗ bán ngoại tệ; Chiết khấu thanh toán cho người mua - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện); - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính. - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư TC khác 	<p>phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh..
<p>Tổng số phát sinh nợ</p>	<p>Tổng số phát sinh có</p>



TK 635 không có số dư cuối kỳ

➤ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.4.2.3 Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm một số nội dung như sau:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (Nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 811 “Chi phí khác”**

Tài khoản 811 có kết cấu như sau:

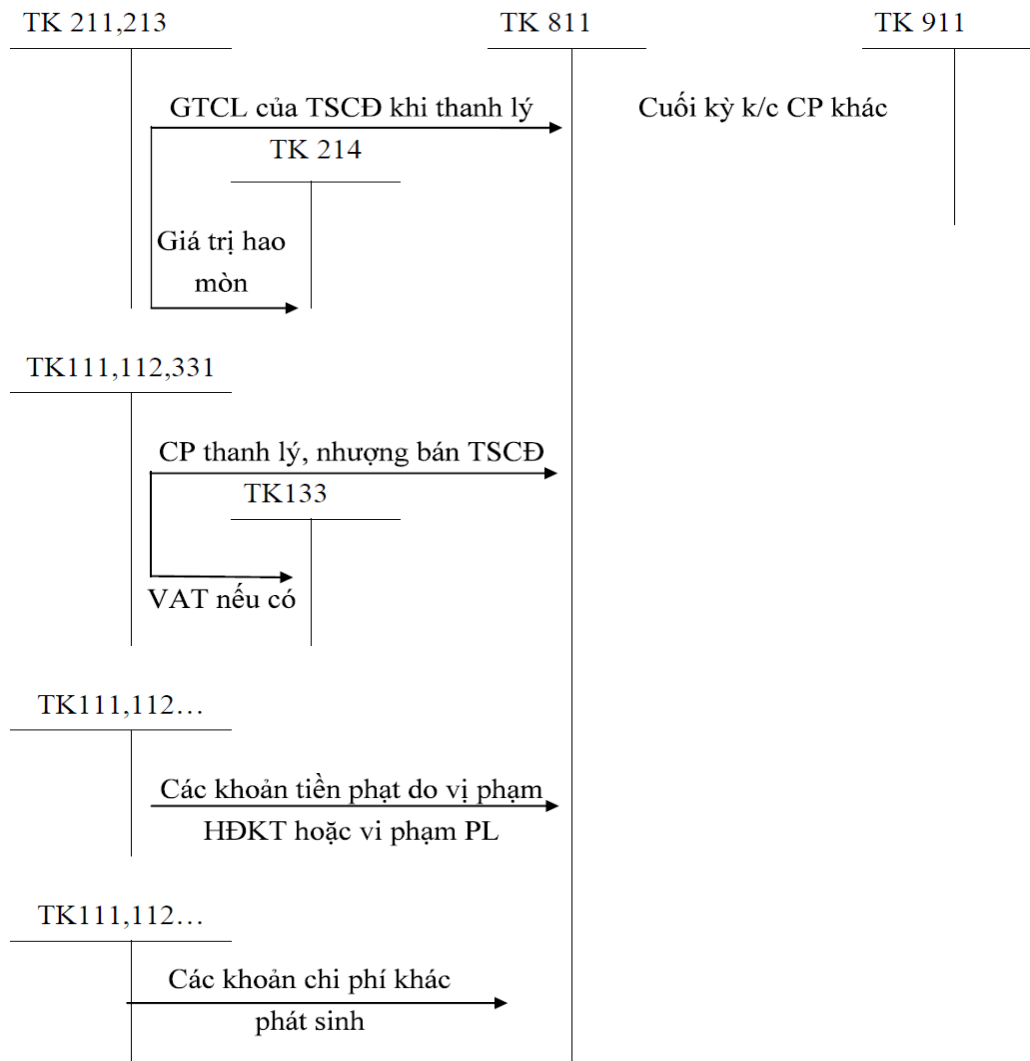
Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ		- Kết chuyển các khoản chi phí vào tài khoản 911
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có



TK 811 không có số dư cuối kỳ

➤ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí khác



1.4.2.4 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (viết tắt là TNDN) là loại thuế trực thu đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 821 “Chi phí thuế TNDN”**

Tài khoản 821 có 2 tài khoản chi tiết:

TK 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TK 8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

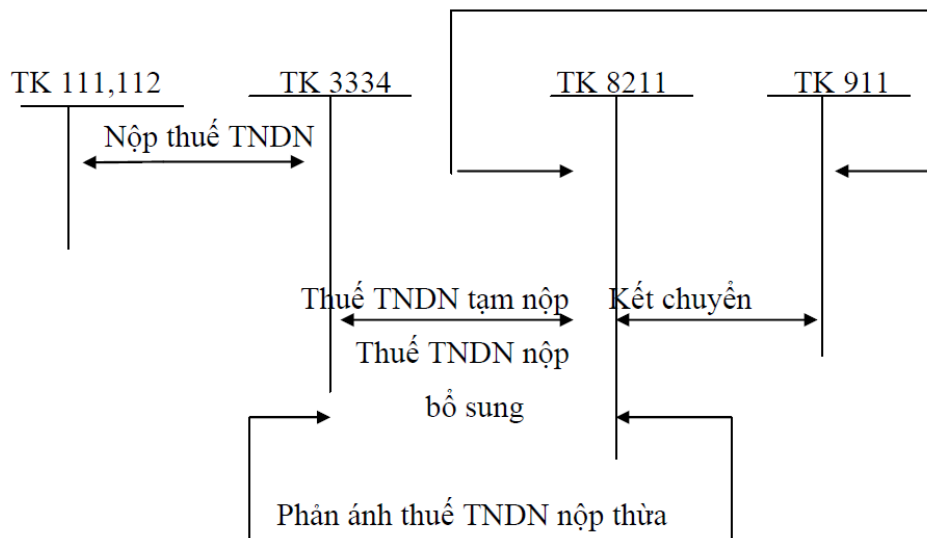
Tài khoản 821 có kết cấu như sau:

Nợ	TK 821	Có
- Các khoản chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm - Thuế TNDN hiện hành của năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại.	- Chi phí thuế TNDN được điều chỉnh giảm do số đã ghi nhận trong năm lớn hơn số phải nộp theo số quyết toán thuế TNDN trong năm - Kết chuyển chi phí thuế TNDN vào tài khoản 911	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 821 không có số dư cuối kỳ

➤ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



1.4.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán kết chuyển (Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản các bút toán xác định lãi lỗ).

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”**

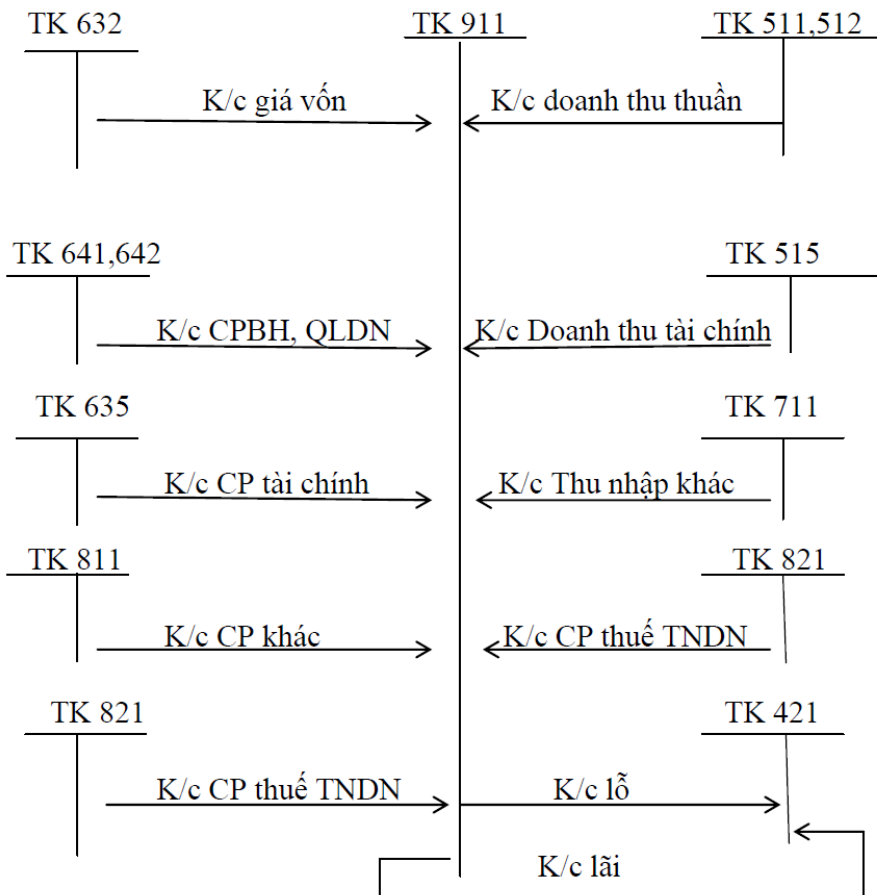
Tài khoản 911 có kết cấu như sau:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

➤ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.12: Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh



1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp

1.5.1. Hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”

❖ **Đặc trưng cơ bản:** Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

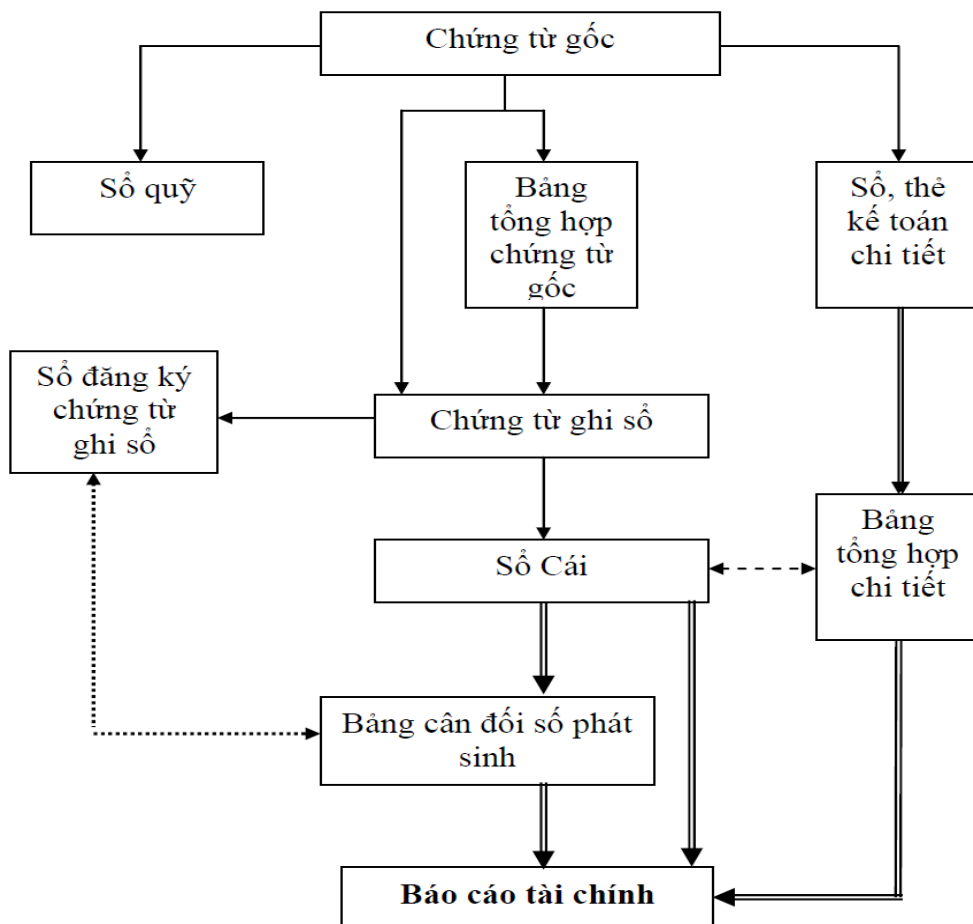
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ:**

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN

CHỨNG TỪ GHI SỔ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký chung

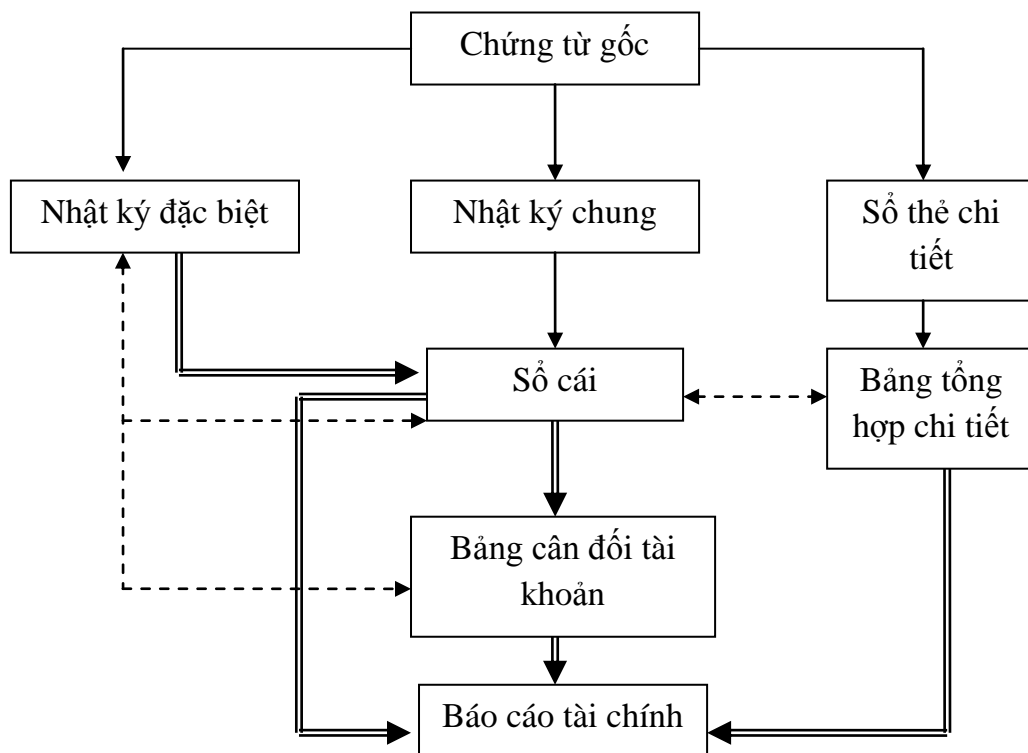
❖**Đặc trưng cơ bản:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖**Các loại sổ:**

- Sổ Nhật ký chung;
- Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết...

❖**Trình tự ghi sổ**

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- ← - - - -> : Kiểm tra đối chiếu
- > : Ghi hàng ngày
- ====> : Ghi cuối tháng

1.5.3. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

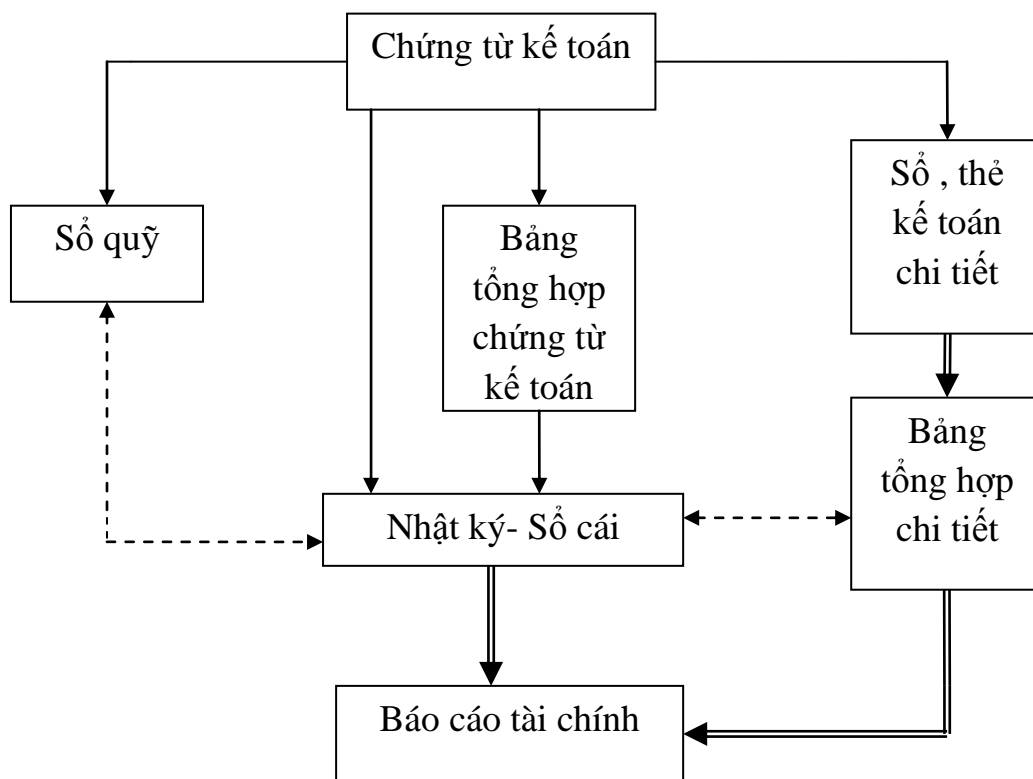
❖**Đặc trưng cơ bản:** Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

❖**Các loại sổ:**

- Nhật ký - Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖**Trình tự ghi sổ**

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký sổ cái



Ghi chú:

- ← - - - -> : Kiểm tra đối chiếu
- > : Ghi hàng ngày
- ====> : Ghi cuối tháng

1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

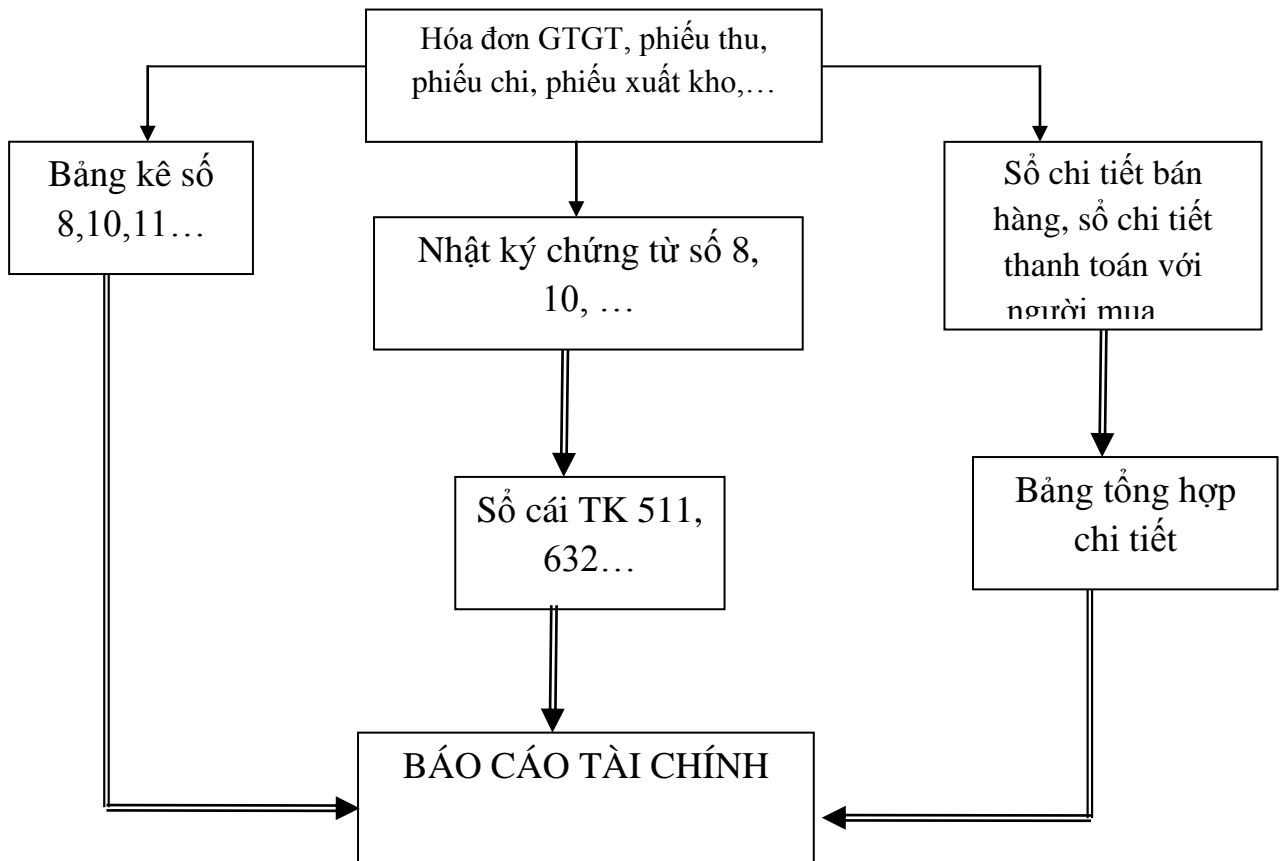
❖**Đặc trưng cơ bản:** Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của tài khoản kết hợp với việc phân ích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

❖ **Các loại sổ:**

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ**

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ



Ghi chú:

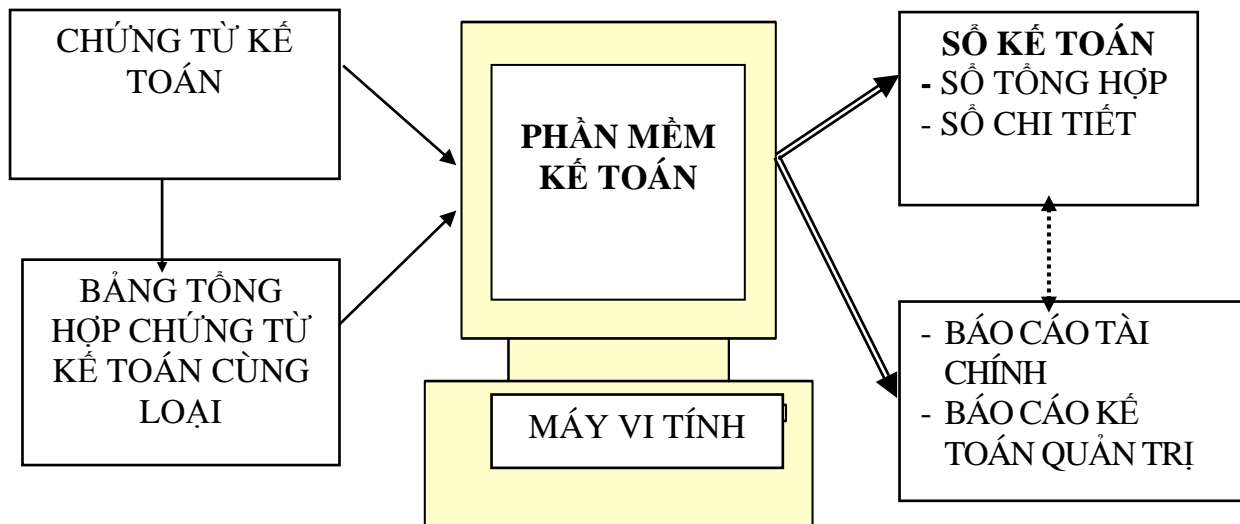
- ← - - - - - → : Kiểm tra đối chiếu
- → : Ghi hàng ngày
- == → : Ghi cuối tháng

1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ **Đặc trưng cơ bản:** Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ **Các loại sổ:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức trên máy vi tính



Ghi chú:

- ← - - - - - → : Kiểm tra đối chiếu
- : Ghi hàng ngày
- ====→ : Ghi cuối tháng

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Khai thác công trình thủy lợi An Hải tiền thân là Trạm thủy nông An Hải được thành lập năm 1970. Trục thuộc Công ty quản lý thủy nông Hải Phòng.

- Thực hiện Quyết định số 166/QĐ-TCCQ ngày 01 tháng 3 năm 1982 của UBND thành phố Hải Phòng, Xí nghiệp Quản lý thủy nông An Hải thành lập trên cơ sở bộ máy tổ chức của Trạm thủy nông An Hải, Xí nghiệp trực thuộc UBND Huyện An Hải.

- Thực hiện Quyết định số 188/QĐ-UB ngày 01 tháng 4 năm 1986 của UBND thành phố Hải Phòng quyết định thành lập Công ty thủy lợi An Hải trên cơ sở sát nhập Xí nghiệp Quản lý thủy nông An Hải, Xí nghiệp xây dựng thủy lợi An Hải và Phòng Thủy lợi An Hải.

- Ngày 02 tháng 7 năm 1991, Ủy ban nhân dân thành phố có quyết định số: 164/QĐ-UB tách Công ty thủy lợi An Hải thành Xí nghiệp thủy nông An Hải và Xí nghiệp Xây dựng thủy lợi An Hải.

- Ngày 22 tháng 11 năm 1995 Chủ tịch UBND Thành phố Hải Phòng đã có Quyết định số 1926/QĐ – TCCQ thành lập Công ty Khai thác công trình thủy lợi An Hải.

- Ngày 06 tháng 5 năm 1998, UBND thành phố có Quyết định số 688/QĐ-UB xếp hạng II cho doanh nghiệp Công ty Khai thác công trình thủy lợi An Hải.

* Chủ sở hữu Công ty.

- Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

* Tên, địa chỉ, trụ sở chính của Công ty

- Tên Công ty bằng tiếng Việt: ***Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải.***

- Tên Công ty bằng tiếng Anh: ***An Hai exploiting irrigation one member limited company.***

- Tên Công ty viết tắt bằng tiếng Việt: ***Công ty thủy lợi An Hải.***

- Tên Công ty viết tắt bằng tiếng Anh: **AnHai Co.LTD.**
- Trụ sở chính: 781 Đường Tôn Đức Thắng, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- * Tư cách pháp nhân của Công ty.
- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Công ty được sử dụng con dấu riêng; độc lập về tài sản; được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật; có bảng cân đối kế toán riêng, hạch toán độc lập, tự chủ về tài chính; tự chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ công ích được giao và sản xuất kinh doanh.
- Có điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- * Vốn điều lệ và cách thức tăng vốn điều lệ.
- Tổng vốn điều lệ: 58.000.000.000 (VNĐ).
- Cách thức tăng vốn điều lệ:
 - + Lợi nhuận sau thuế để lại bổ sung nguồn vốn cho Công ty.
 - + Vốn do Chủ sở hữu bổ sung cho Công ty.
 - + Khoản ngân sách phải nộp cho nhà nước nhưng được nhà nước để lại bổ sung vốn theo quy định.
 - + Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng vốn và mức tăng vốn điều lệ.
- * Mục tiêu của Công ty.
- Đảm bảo việc cung cấp, điều hòa về nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; cung cấp nguồn nước thô phục vụ dân sinh, sản xuất công nghiệp và các ngành kinh tế; khai thác, bảo vệ công trình, phòng chống thiên tai.
- Từng bước đa dạng hóa ngành nghề sản xuất kinh doanh; bảo toàn và phát triển vốn; tìm kiếm lợi nhuận hợp pháp; tạo việc làm, thu nhập cho người lao động; tăng thu ngân sách góp phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải

- * Ngành nghề sản xuất kinh doanh.
- Hoạt động công ích:
 - + Vận hành hệ thống, công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.
 - + Cung cấp nguồn nước phục vụ dân sinh và các ngành kinh tế.
 - + Tiêu nước cho huyện Kim Thành - Hải Dương.

- Hoạt động sản xuất - kinh doanh:

+ Khảo sát thiết kế, tu bổ, sửa chữa xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ trong phạm vi Công ty quản lý. Lắp đặt thiết bị, máy bơm, điện hạ thế các trạm bơm.

+ Dịch vụ vật tư thiết bị chuyên ngành.

+ Nạo vét, đào, đắp đất, đá; sửa chữa, lắp đặt thiết bị điện cho các Trạm bơm thuộc công trình thủy lợi.

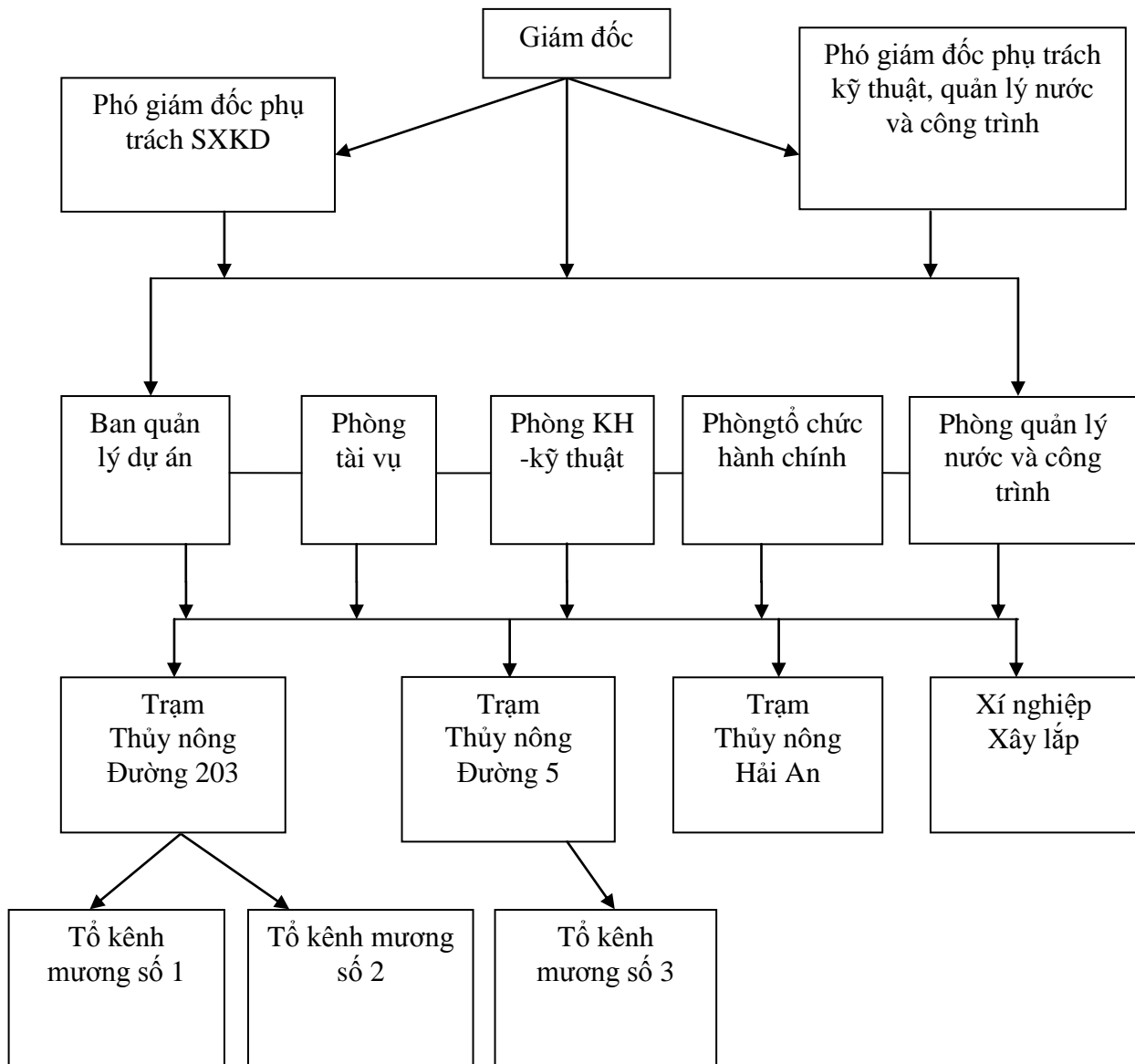
+ Nhận thầu thi công: Xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi thuộc nhóm B tới vốn đầu tư của dự án 20 tỷ đồng.

+ Dịch vụ cơ khí nông nghiệp và sản xuất đồ mộc dân dụng.

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình dân dụng.

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



* Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban

- Giám đốc: Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước, trước cấp trên cơ quan chủ quản của mình về mọi hoạt động SXKD của công ty. Là người chịu trách nhiệm trong việc điều hành hoạt động SXKD của công ty theo các nội quy, quy chế, Nghị quyết được ban hành trong công ty và các chế độ chính sách của Nhà nước.

- Phó giám đốc phụ trách SXKD: Là người giúp giám đốc trong việc điều hành SXKD của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc, trước pháp luật những công việc được phân công.

- Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật, quản lý nước và công trình: Là người trực tiếp chỉ đạo khâu kỹ thuật vật tư đảm bảo SXKD trong công ty có hiệu quả trong từng thời kỳ phù hợp với công việc chung.

- Phòng quản lý nước và công trình: Chịu trách nhiệm kiểm tra, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản cùng với các sản phẩm công nghiệp thực hiện chế độ nghiệm thu khối lượng hạng mục công trình. Đồng thời chịu trách nhiệm cung cấp nước cho nông nghiệp, các trạm thủy nông.

- Phòng Tài vụ: Thực hiện chức năng về quản lý tài chính, hạch toán kế toán, điều hành và phân phối vốn, tổ chức ghi chép, phản ánh, tình hình luân chuyển chứng từ và sử dụng tài khoản, tiền vốn. Cung cấp tài liệu cho giám đốc để điều hành SXKD, phân tích hoạt động kinh tế tài chính của Công ty.

- Phòng Kỹ thuật: Quản lý, điều phối mọi nguồn vật tư, phụ tùng, máy móc, thiết bị, máy thi công trong công ty phục vụ cho sản xuất đảm bảo đúng chất lượng, kịp tiến độ. Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra chất lượng, vật tư đưa vào các công trình nhằm đánh giá chất lượng sản phẩm, công trình.

- Phòng tổ chức hành chính: Có trách nhiệm chính là tham mưu cho giám đốc về thực hiện chế độ quản lý tài sản chung của toàn Công ty. Thực hiện pháp lệnh của Nhà nước, của ngành, của Công ty về quản lý, sử dụng con dấu của Công ty, cấp phát giấy giới thiệu. Tổ chức mua sắm, phương pháp quản lý trang thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm, báo chí, quản lý và điều hành việc phục vụ công tác tiếp khách và hội nghị.

- Phòng quản lý dự án: Chịu trách nhiệm về các dự án mà Công ty nhận thầu, thiết kế các bản quy hoạch, lưu giữ hồ sơ các dự án.

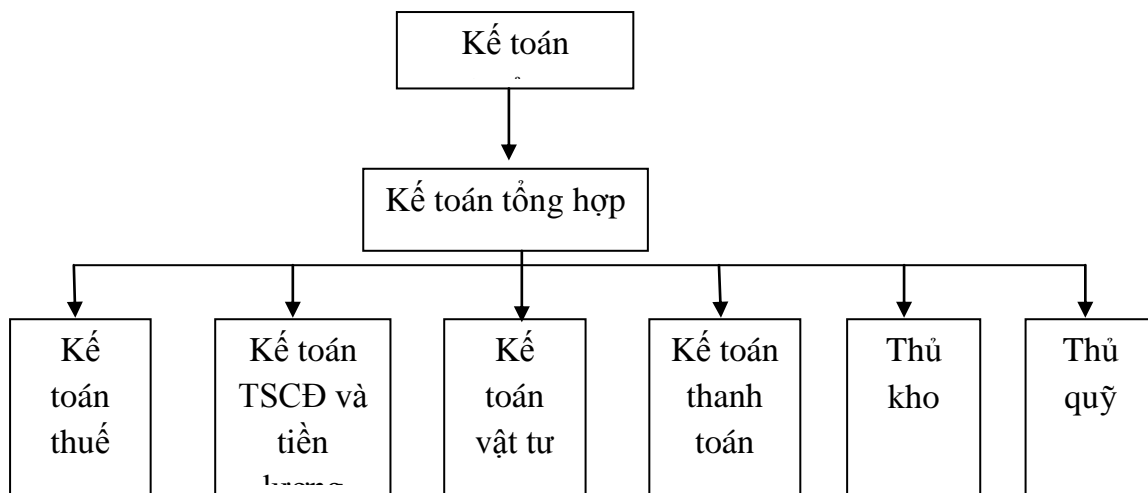
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải.

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.

Căn cứ vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty là hoạt động trên địa bàn hẹp, số lượng kế toán không nhiều nên Công ty TNHH MTV KTCTTL An Hải đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Toàn bộ công tác kế toán trong Công ty được tiến hành tập trung tại Phòng Tài vụ nhằm đảm bảo việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự thống nhất giữa kế toán trưởng với Ban lãnh đạo của Công ty.

Phòng Kế toán của Công ty có tám nhân viên bao gồm: Kế toán trưởng, Kế toán tổng hợp, Kế toán thuế, Kế toán TSCĐ và tiền lương, Kế toán vật tư, Kế toán vốn bằng tiền, Thủ kho, Thủ quỹ. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty như sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



* Nhiệm vụ của kế toán trưởng: Chỉ đạo tất cả các bộ phận kế toán về mặt nghiệp vụ, chịu trách nhiệm về thông tin do phòng kế toán cung cấp, đồng thời kế toán trưởng thay mặt giám đốc tổ chức kế toán tại công ty thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước. Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm trước ban giám đốc và các cơ quan có thẩm quyền về các hoạt động tài chính của công ty.

* Nhiệm vụ của kế toán tổng hợp: Thu thập, kiểm tra toàn bộ chứng từ gốc, sau đó lập các chứng từ ghi sổ và vào các sổ có liên quan theo từng tháng. Lập báo cáo quý, năm và tổ chức bảo quản lưu giữ chứng từ.

* Nhiệm vụ của kế toán thuế: Tính toán và kê khai các khoản thuế như: thuế TNDN, thuế GTGT...

* Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ và tiền lương: Theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ tại các bộ phận, tình hình mua sắm máy móc, thiết bị, tính chi phí khấu hao TSCĐ để đưa vào chi phí giá thành. Đồng thời theo dõi, tính toán các khoản lương, thưởng, phụ cấp, các khoản trích theo lương cho cán bộ CNV chức và công nhân tại công ty.

* Nhiệm vụ của kế toán vật tư: Theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn kho các loại vật tư về mặt số lượng và giá trị tại kho. Căn cứ vào các chứng từ: phiếu nhập kho, phiếu xuất kho cuối tháng tổng kết xác định tổng phát sinh tăng, giảm của các loại vật tư

* Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền: Tập hợp, kiểm tra chứng từ thu, chi và vào sổ theo dõi tình hình tăng giảm quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản công nợ.

* Nhiệm vụ của thủ kho: Căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho để nhập, xuất kho các loại vật tư, sản phẩm, hàng hóa. Đồng thời theo dõi tình hình biến động của chúng.

* Nhiệm vụ của thủ quỹ: Hàng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi thủ quỹ tiến hành thực thu, thực chi và cập nhật vào sổ quỹ tiền mặt số tiền thu, chi trong ngày. Cuối ngày chuyển sổ vào sổ quỹ qua kế toán thanh toán để đối chiếu và lập báo cáo tồn quỹ tiền mặt.

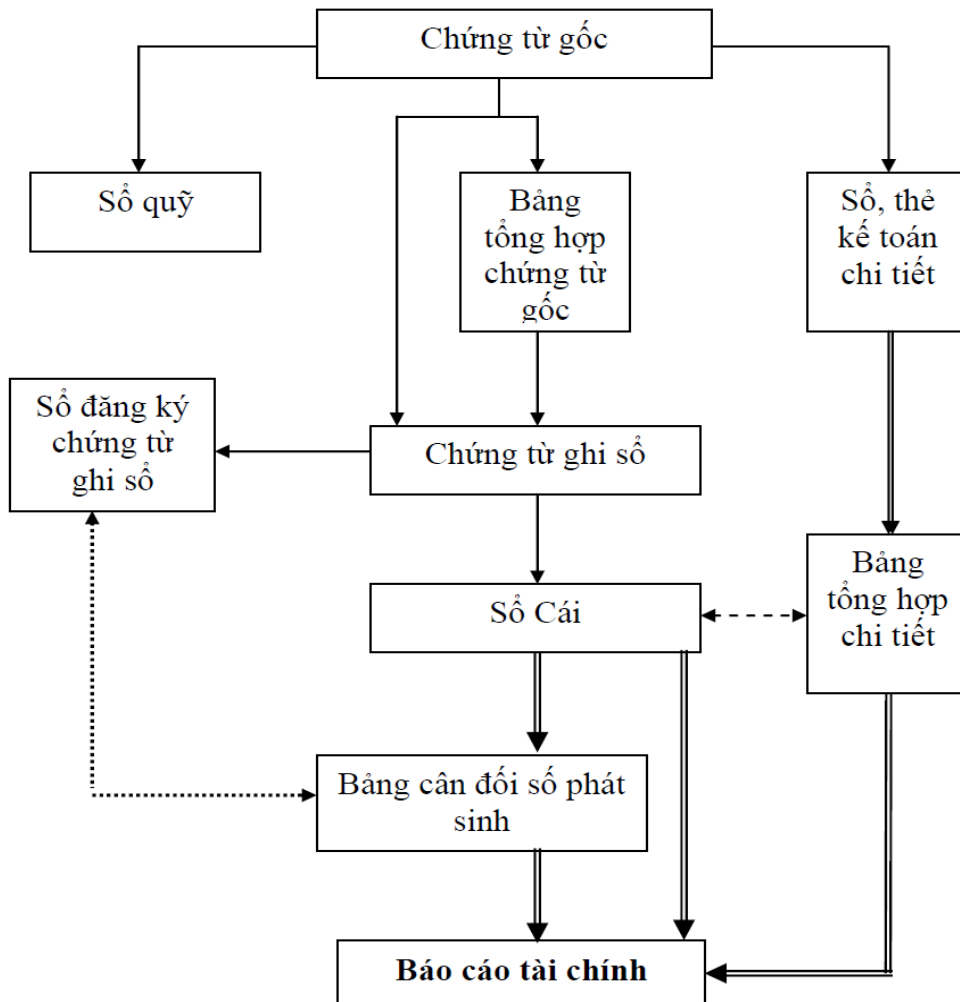
2.1.4.2 Hình thức kế toán, chế độ kế toán, phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải.

➤ Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 2.3: Trình tự luân chuyển chứng từ

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN

CHỨNG TỪ GHI SỔ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

➤ Chế độ kế toán Công ty đang sử dụng là chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính.

➤ Niên độ kế toán ở Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: tiền Việt Nam đồng (VNĐ).
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp kế toán ghi sổ là Chứng từ ghi sổ.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải

2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tại Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải.

Công ty sử dụng phương thức tiêu thụ trực tiếp. Sau khi trúng thầu, bên mua sẽ ký kết hợp đồng xây dựng với công ty. Công ty căn cứ vào hợp đồng kinh tế để tiến hành cung ứng kịp thời.

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Công ty sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt và TGNH:

+ Đối với hình thức thanh toán bằng tiền mặt : khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán lập hóa đơn GTGT, khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán tiến hành viết phiếu thu.

+ Đối với phương thức thanh toán bằng chuyển khoản, kế toán viết hóa đơn GTGT, ghi nhận doanh thu. Khi nhận được hóa đơn GTGT, khách hàng sẽ tiến hành chuyển tiền qua ngân hàng, công ty sẽ nhận được chứng từ giao dịch từ ngân hàng về số tiền đã thanh toán của khách hàng.

➤ Chứng từ sử dụng

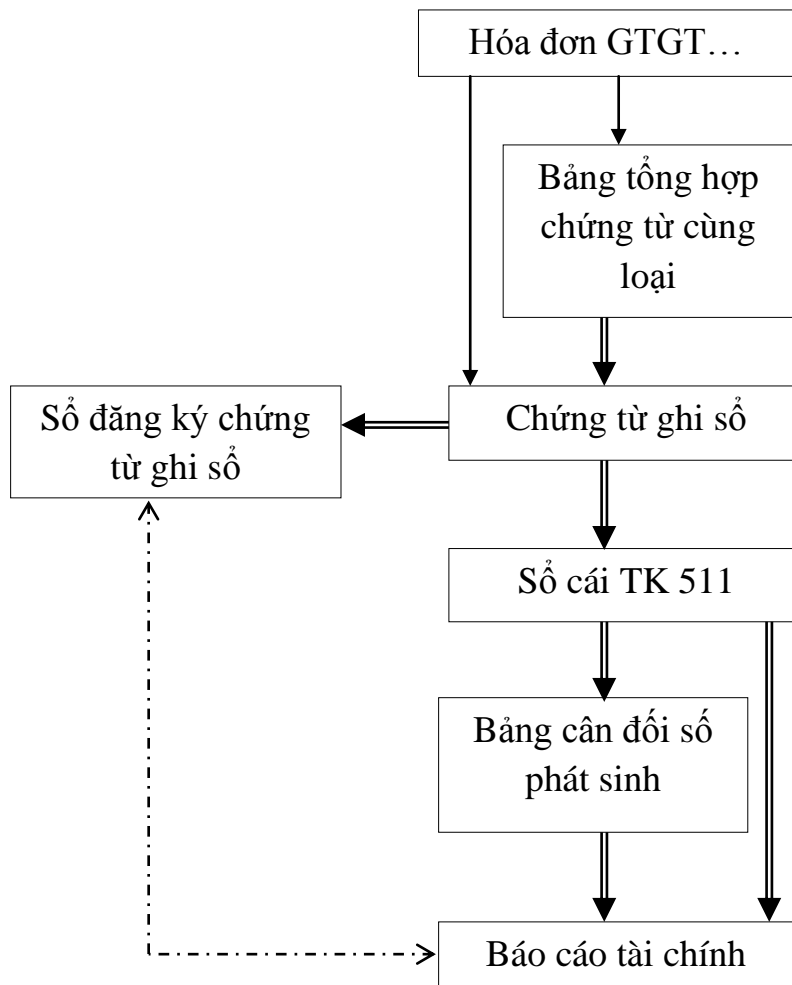
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01- GTKT3/001)
- Phiếu thu
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ giao dịch của ngân hàng
- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Các chứng từ có liên quan khác.

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và các tài khoản liên quan

➤ **Phương thức hạch toán**

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối kỳ ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <- - - - ->

Cuối tháng, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập

chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối năm, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1:

Ngày 15/12/2014 công ty bàn giao công trình kè sông Chanh Dương (mã gói thầu G10) cho Ban quản lý dự án các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Vĩnh Bảo (khởi công ngày 5/01/2014) với số tiền 16.861.514.545 (chưa bao gồm VAT 10%), công ty chưa nhận được thanh toán số tiền trên.

Biểu số 2.1

TÊN CỤC THUẾ: Cục thuế Hải Phòng		Mẫu số: 01GTKT3/001			
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Ký hiệu: 01AA/11P					
Liên 3: Lưu hành nội bộ Số: 0000708					
Ngày 15 tháng 12 năm 2014					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải.					
Mã số thuế: 0200288219					
Địa chỉ: Số 781 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại:Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn An					
Tên đơn vị: Ban quản lý dự án các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Vĩnh Bảo					
Mã số thuế:					
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Công trình kè sông Chanh Dương		1	16.861.514.545	16.861.514.545
Cộng tiền hàng:					16.861.514.545
Thuế suất GTGT: 10 %, Tiền thuế GTGT:					1.686.151.455
Tổng cộng tiền thanh toán 18.547.666.000					
Số tiền viết bằng chữ: Mười tám tỉ năm trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn					
Người mua hàng			Người bán hàng		
(Ký, ghi rõ họ, tên)			(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu số 2.2

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI
BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Tên TK: Phải thu khách hàng
Số hiệu TK: 131 (Ghi nợ TK 131)
Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi có các TK	
Số hiệu	Ngày			3331	511
...
HD0000707	26/12	Kè Ngũ Phúc - Phúc Thủy	1.024.143.000	365.831.182	3.658.311.818
HD0000708	15/12	Kè sông Chanh Dương	18.547.666.000	1.686.151.455	16.861.514.545
HD0000709	29/12	Kè sông Luộc	7.194.746.000	654.067.818	6.540.678.182
.....
		Tổng cộng	42.719.958.999	3.884.207.636	38.835.751.363

Kế toán ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký ghi họ tên)

Biểu số 2.3

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI
CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 125

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	131	511	38.835.751.363
Thuế GTGT đầu ra	131	3331	3.884.207.636
Cộng	x	x	42.719.958.999

Kế toán ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký ghi họ tên)

Biểu số 2.4

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KTCTTL An Hải

Mẫu số: S02b-DN

Địa chỉ: Số 781 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng,

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Thành phố Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2014

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
125	31/12	42.719.958.999
126	31/12	44.806.471.183
127	31/12	2.191.616.216
...
...		
187	31/12	12.563.870.120
...		
210	31/12	81.736.856.979
...
250	31/12	32.645.719.232
251	31/12	100.824.602.007
...		
259	31/12	993.862.344
260	31/12	87.600.156.761
261	31/12	87.600.156.761
Cộng		837.051.606.721

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KTCTTL An Hải

Mẫu số: S02c1-DN

Địa chỉ: Số 781 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Tên Tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK: 511

Chứng từ ghi số		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
125	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khách hàng chưa trả tiền	131		42.719.958.999
126	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng tiền mặt	111		44.806.471.183
127	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng tiền gửi NH	112		2.191.616.216
260	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	87.526.430.182	
		Cộng số phát sinh		87.526.430.182	87.526.430.182
		SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi số
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trong năm 2014.

2.2.1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Chứng từ và tài khoản sử dụng:

➔ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi của ngân hàng
- Giấy báo trả tiền lãi vay
- Phiếu thu

➔ Tài khoản sử dụng :

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635 : Chi phí tài chính Cuối năm, kế toán kết chuyển sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính:

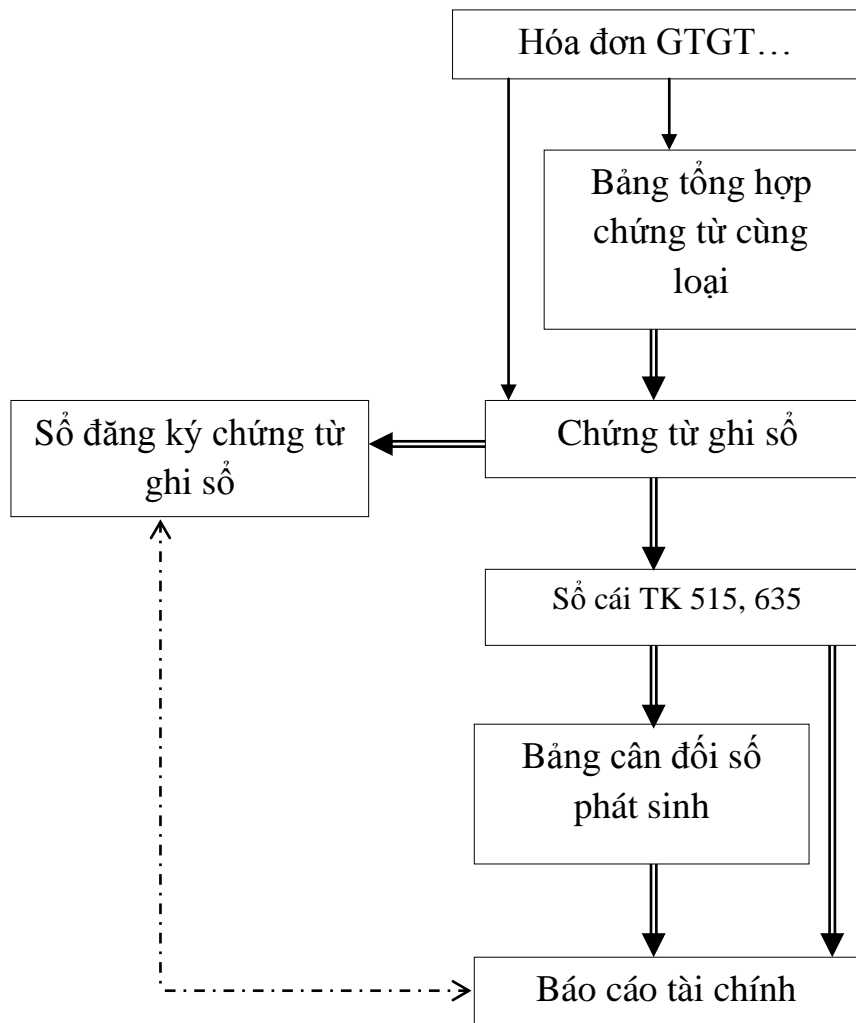
Cuối tháng căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo lãi của ngân hàng, giấy báo trả lãi vay..., kế toán vào Bảng kê chứng từ cùng loại.

Sau đó căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ, từ

Chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái các tài khoản như 515, 635, 112...

Cuối tháng cộng số liệu trên Sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.5 Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH MTV KT Công trình thủy lợi An Hải



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối kỳ \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Ví dụ 2:

Ngày 25/12 Ngân hàng Vietcombank trả lãi tiền gửi, số tiền: 146.626 đồng.

-> Căn cứ vào Giấy báo có của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (Biểu 2.6) kế toán tiến hành vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (Biểu 2.7) chứng từ ghi sổ (Biểu 2.8), Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.9) Sau đó căn cứ trên CT-GS kế toán vào sổ cái TK 515 (Biểu 2.10). Cuối tháng cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối SPS. Cuối năm, lập báo cáo Tài chính.

Biểu 2.6

Ngân hàng Vietcombank

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 25/12/2014

Mã GDV: BATCH

Mã KH: 10366

Số GD: 147C

Kính gửi: Công ty TNHH MTV KT công trình thủy lợi An Hải

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 0200820924

Số tiền bằng số: 146.626

Số tiền bằng chữ: *Một trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng chẵn*

Nội dung: ##Lãi nhập gốc ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu 2.7

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI
BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Tên TK: tiền gửi ngân hàng

Số hiệu TK: 112 (Ghi nợ TK 112)

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi có các TK	
Số hiệu	Ngày			131	515
...
GBC136	20/12	Khách hàng thanh toán tiền	245.000.000	245.000.000	
GBC147C	25/12	Ngân hàng Vietcombank trả lãi	146.626		146.626
GBC151	26/12	Huyện Vĩnh Bảo thanh toán bằng CK		258.311.818	
.....
		Tổng cộng	12.563.870.120	10.489.230.145	73.726.579

Kế toán ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký ghi họ tên)

Biểu 2.8

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI
CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 187

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
.....
Lãi cổ phần	112	515	72.000.000
Tiền lãi từ ngân hàng	112	515	1.726.579
Huyện Vĩnh Bảo thanh toán bằng CK	112	131	258.311.818
....
Cộng	x	x	12.563.870.120

Kế toán ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký ghi họ tên)

Biểu 2.9

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KTCTTLAn Hải

Mẫu số: S02b-DN

Địa chỉ: Số 781 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2014

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
125	31/12	42.719.958.999
126	31/12	44.806.471.183
127	31/12	2.191.616.216
...
...
187	31/12	12.563.870.120
...		
210	31/12	81.736.856.979
...
250	31/12	32.645.719.232
251	31/12	100.824.602.007
...		
259	31/12	993.862.344
260	31/12	87.600.156.761
261	31/12	87.600.156.761
Cộng		837.051.606.721

Kế toán ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Kế toán trưởng
(ký ghi họ tên)

Biểu 2.10

Công ty TNHH MTV KTCTTL An Hải

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đ/C : Số 781 Tôn Đức Thắng

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: 515

Số hiệu TK: Doanh thu từ hoạt động tài chính

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		SD ĐK			
		SPS			
187	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng	112		1.726.579
187	31/12	Lãi cổ phần	112		72.000.000
260	31/12	Kết chuyển DT hoạt động tài chính	911	73.726.579	
		Tổng số phát sinh		73.726.579	73.726.579

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký ghi họ tên)

2.2.1.4 Kế toán thu nhập khác

Trong năm 2014, Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan đến thu nhập khác.

2.2.2 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và chi phí khác tại công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải

2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

➤ Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty

Toàn bộ chi phí sản xuất được tập hợp vào bên nợ tài khoản 621, 622, 623, 627 sau đó được kết chuyển sang tài khoản 154 (chi tiết cho từng công trình, sản phẩm dịch vụ). Đặc thù của công ty về sản phẩm dịch vụ công ích không có sản phẩm dở dang vì vậy, phần giá thành dịch vụ công ích được xác định bằng toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ phần giá thành các công trình XDCB được hạch toán riêng từng công trình vì vậy ở thời điểm kết thúc niên độ kế toán có những công trình chưa hoàn thành bàn giao thì các chi phí phát sinh của công trình đó

là giá thành SPDD (dư nợ tài khoản 154). Đối với những công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng (sản phẩm XDCB hoàn thành) thì toàn bộ chi phí được kết chuyển sang tài khoản 632. Đây cũng là giá vốn hàng bán của công trình đó.

Công ty xác định giá vốn theo phương pháp giá thực tế đích danh.

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán

➤ Tài khoản sử dụng

- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- TK 632: Giá vốn hàng bán

➤ Quy trình hạch toán

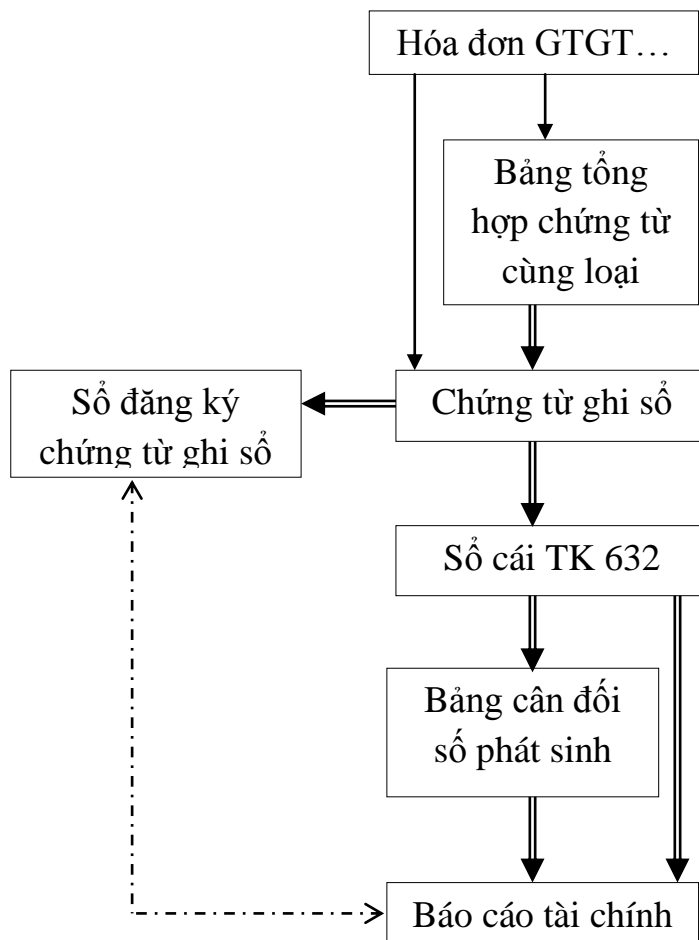
Giá thành của công trình hoàn thành bao gồm toàn bộ các chi phí để xây dựng lên công trình đó, bao gồm: Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung tính cho công trình hoàn thành.

Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán tiến hành ghi vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.

Sau đó căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ. Từ Chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và các Sổ cái có liên quan như TK 632, TK 331....

Cuối quý cộng số liệu trên sổ Cái các TK, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm lập báo cáo Tài chính.

Sơ đồ 2.6 Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ
- Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ 3:

Từ ví dụ 1 kế toán ghi nhận doanh thu công trình Kè sông Chanh Dương (G10), đồng thời kế toán ghi nhận giá vốn công trình. Kế toán ghi phiếu kế toán số 32 (Biểu 2.11)

→ Từ phiếu kế toán, kế toán ghi vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (Biểu 2.12), Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.13), sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.14). Sau đó kế toán căn cứ vào số liệu đã ghi trên Chứng từ ghi sổ vào sổ cái TK 632 (Biểu 2.15).

Biểu 2.11

Đơn vị: Công ty TNHH MTV **Mẫu số 04 – TT** (Ban hành theo QĐ số KTCTTL An Hải 15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 32

Ngày 28 tháng 12 năm 2014

<i>STT</i>	<i>Nội Dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
01	Giá vốn công trình Kè sông Chanh Dương (G10)	632	154	16.168.121.804
	Cộng			16.168.121.804

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.12

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI
BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Tên TK: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số hiệu TK: 154 (Ghi có TK 154)

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ TK632
Số hiệu	Ngày			
...
PKT30	20/12	Kè sông Luộc	5.971.626.980	5.971.626.980
PKT32	28/12	Kè sông Chanh Dương	16.168.121.804	16.168.121.804
PKT35	26/12	Kè sông Ngũ Phúc – Phúc Thủy		258.311.818
.....
		Tổng cộng	81.736.856.979	81.736.856.979

Kế toán ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký ghi họ tên)

Biểu 2.13

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI
CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 210

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Xác định giá vốn hàng bán	154	632	81.736.856.979
Cộng			81.736.856.979

Kế toán ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký ghi họ tên)

Biểu 2.14

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KT CÔNG TRÌNH

Mẫu số: S02b-DN

THỦY LỢI AN HẢI

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: Số 781 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng,

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Thành phố Hải Phòng

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2014

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
125	31/12	42.719.958.999
126	31/12	44.806.471.183
127	31/12	2.191.616.216
...
187	31/12	12.563.870.120
...		
210	31/12	81.736.856.979
...
250	31/12	32.645.719.232
251	31/12	100.824.602.007
...		
259	31/12	993.862.344
260	31/12	87.600.156.761
261	31/12	87.600.156.761
Cộng		837.051.606.721

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.15

Công ty : TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Đ/C : Số 781 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: 632

Số hiệu TK: Giá vốn hàng bán

Năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		SD ĐK			
		SPS			
210	31/12	Chi phí sản xuất KD	632	81.736.856.979	
261	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		81.736.856.979
		Tổng số phát sinh		81.736.856.979	81.736.856.979

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Trong năm 2014, Công ty không phát sinh nghiệp vụ kinh tế nào liên quan đến Chi phí hoạt động tài chính.

2.2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng

Trong năm 2014, Công ty không phát sinh nghiệp vụ kinh tế nào liên quan đến Chi phí bán hàng.

2.2.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

➤Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ của ngân hàng...

➤Tài khoản sử dụng: Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phục vụ cho nhu cầu quản

lý doanh nghiệp

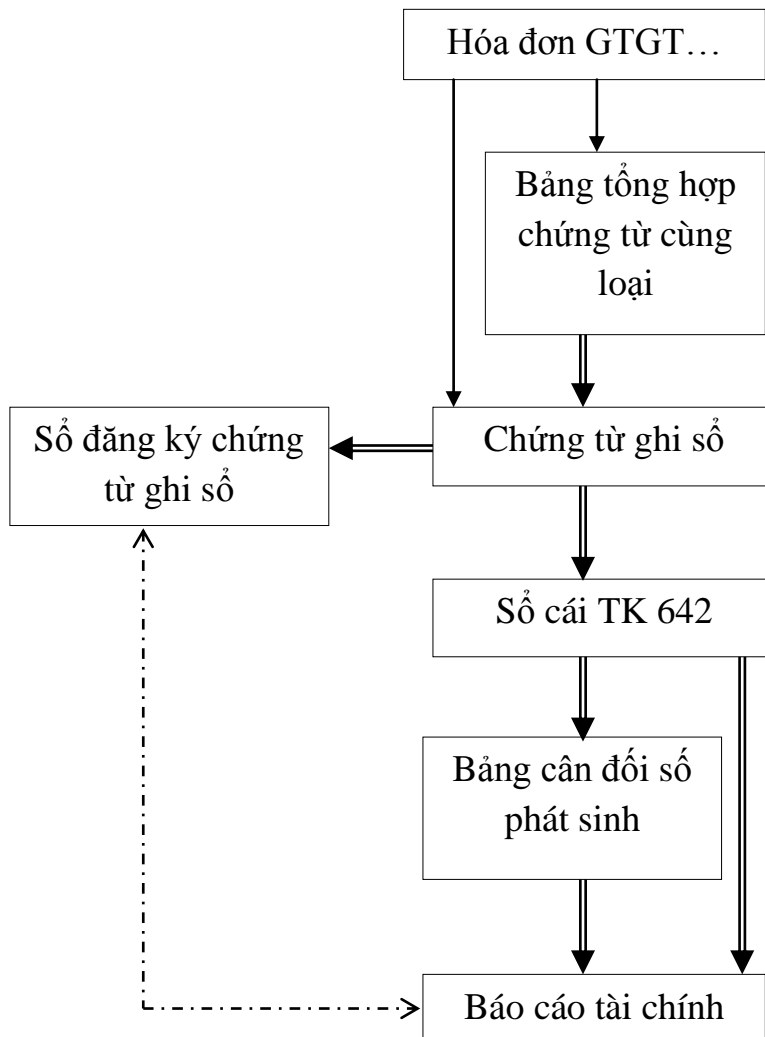
- Chi phí này bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế phí và lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

➤Trình tự hạch toán:

Căn cứ từ các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, phiếu chi,...kê toán vào Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái TK 642.

Cuối quý cộng số liệu trên Sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.7 Quy trình hạch toán Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải



Ghi chú:Ghi hàng ngày \longrightarrow Ghi cuối kỳ \Longrightarrow Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow **Ví dụ 4:**

Ngày 19/12/2014, thanh toán tiền điện công ty điện lực Hải Phòng với số tiền là 1.076.625, đã bao gồm thuế GTGT 10%.

-> Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0421754 (Biểu 2.16), kế toán tiến hành lập phiếu chi (Biểu số 2.17) và chi tiền thanh toán tiền điện. Từ Phiếu chi 27, thủ quỹ vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (Biểu 2.18) chứng từ ghi sổ (Biểu 2.19),

Từ Chứng từ ghi sổ vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.20), Sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.21) và sổ cái TK642 (Biểu 2.22).

Biểu 2.16

EVN NPC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
(Liên 2: Giao khách hàng)

Mẫu số:01GTKT2/001
Ký hiệu : VM/12P
Số : 0421754

Kỳ 1: Từ ngày 15/11 Đến ngày 15/12

Công ty Điện lực Hải Phòng

Địa chỉ :

Điện thoại :

MST :

ĐT sửa chữa : 0313.792.519

Tên khách hàng : Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải

Địa chỉ : Số 781, Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện Thoại 0313.624.888

MST : 0200818473 Số công tơ : 09561658

Số hộ : _

BỘ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	HS nhân	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
KT	15,530	15,105		425	2177	925.225
				425		
Ngày 14 tháng 12 năm 2014				Cộng		925.225
Bên bán điện (<i>Đóng dấu, ghi họ tên</i>)				Thuế suất GTGT 10% Thuế GTGT		92.523
				Tổng cộng tiền thanh toán		1.017.748

Bằng chữ : Một triệu không mười bảy ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng chẵn

Mã KH : PA09080846830

Mã T.toán : PA09080846830

Mã NN : 2218

Mã giá 100% SXBT

ID HĐ: 43669800

Biểu 2.17

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi An Hải

Địa chỉ: Sở Dầu – Hải Phòng

PHIẾU CHI

Quyển số: ...04...

Ngày 19 tháng 12 năm 2014

Số: 27

Nợ: 642, 133

Có: 111

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thùy Linh

Địa chỉ: Phòng Tài vụ

Lý do chi: Chi tiền điện tháng 12

Số tiền: 1.017.748 (Một triệu không mười bảy ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng chẵn)

Kèm theo 1 chứng từ gốc

Ngày 19 tháng 12 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(<i>ký. họ tên,</i> <i>đóng dấu)</i>	(<i>ký. họ tên)</i>	(<i>ký. họ tên)</i>	(<i>ký. họ tên)</i>	(<i>ký. họ tên)</i>

Biểu 2.18

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI
BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Tên TK: Tiền mặt

Số hiệu TK: 111 (Ghi có TK 111)

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ các TK		
Số hiệu	Ngày			...	133	642
...	
PC26	9/12	Thủy phòng Tài vụ tiếp khách	6.180.000		5.618.182	
PC27	19/12	Thanh toán tiền điện tháng 12	1.017.748		925.225	
PC28	20/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển	3.000.000		3.000.000	
.....	
		Tổng cộng	32.645.719.232		11.993.059	
					55.000.000	

Kế toán ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký ghi họ tên)

Biểu 2.19**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI
CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số 250****Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
.....
Tiền VND gửi ngân hàng VIB	1121	1111	341.500.000
Phải thu khác ngắn hạn	1388	111	159.557.615
Tạm ứng	141	111	37.311.065
....
Chi phí QLDN	642	111	55.000.000
....
Cộng	x	x	32.645.719.232

Kế toán ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký ghi họ tên)

Biểu 2.20

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KT CÔNG

Mẫu số: S02b-DN

TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: Số 781 Tôn Đức Thắng, Hồng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Bàng, Thành phố Hải Phòng

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2014

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
125	31/12	42.719.958.999
126	31/12	44.806.471.183
127	31/12	2.191.616.216
...
187	31/12	12.563.870.120
...		
210	31/12	81.736.856.979
...
250	31/12	32.645.719.232
251	31/12	100.824.602.007
...		
259	31/12	993.862.344
260	31/12	87.600.156.761
261	31/12	87.600.156.761
Cộng		837.051.606.721

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.21

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KTCT TL An Hải

Mẫu số: S07-DN

*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại quỹ: VNĐ

NTG S	NTC T	SHCT		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
A	B			E	1	2	3	G
				SDĐK			2.142.239.311	
....
19/12			27	Thanh toán tiền điện tháng 12		925.225	1.448.630.720	
19/12			27	VAT tiền điện kê sông Chanh Dương		92.523	1.448.723.243	
....
				Cộng Phát Sinh	31.206.663.002	32.645.719.232		
				SDCK			703.183.081	

- Sổ này có 12 trang, đánh số từ trang 01 đến số trang 12

- Ngày mở sổ: 01/01/2014

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.22

Công ty : TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải

Đ/C : Số 781 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: 642

Số hiệu TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		SD ĐK			
		SPS			
...
250	31/12	Chi tiền mặt	111	55.000.000	
251	31/12	Chi TGNH	112	51.435.076	
...
261	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911		1.887.850.404
		Tổng số phát sinh		1.887.850.404	1.887.850.404

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.2.5 Kế toán chi phí khác

Trong năm 2014, công ty không phát sinh nghiệp vụ kinh tế nào liên quan đến chi phí khác.

2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV KTCT Thủy Lợi An Hải.

- Cuối kỳ kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang TK911. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lãi hoặc lỗ.

- Thuế TNDN được xác định khi Công ty tiến hành nộp thuế, lúc đó thuế TNDN được tính và kế toán định khoản bằng bút toán:

Nợ 821:

Có 3334:

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- Công ty dùng TK911 để phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của Doanh nghiệp trong kỳ.

- TK 821: Chi phí thuế TNDN
- TK421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản có liên quan

➤ **Quy trình hạch toán:**

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có tài khoản 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí tài chính, chi phí khác sang bên Nợ tài khoản 911. Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421 – Lợi nhuận sau thuế.

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ tài khoản 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có tài khoản 911 thì chứng tỏ trong năm công ty kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp Nhà nước như sau: **Xác định thu nhập chịu thuế = SPS bên Có TK911 – SPS bên Nợ TK 911 . Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * thuế suất thuế TNDN**

- Khi xác định được số thuế phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế TNDN đã

trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm. Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó, xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421 – “ Lợi nhuận sau thuế”.

- Cuối năm 2014 thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh năm 2014.

- Kế toán lập các phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Sau đó, xác định thuế TNDN mà Công ty phải nộp. Từ đó, xác định được số tiền lãi của Công ty trong kỳ. Sau đó, kế toán ghi Sổ cái TK 911 và Sổ cái TK 421.

Ví dụ 5:

Xác định kết quả kinh doanh năm 2014

Các bút toán kết chuyển như sau:

+, Nợ 511: 87.526.430.182

Nợ 515: 73.726.579

Có 911: 87.600.156.761

+, Nợ 911: 83.624.707.383

Có 632: 81.736.856.979

Có 642: 1.887.850.404

Xác định kết quả kinh doanh ta thấy năm 2014 công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải có Lợi nhuận trước thuế (LNtt) = 3.975.449.378đồng, vì vậy doanh nghiệp phải nộp thuế TNDN với thuế suất 25% và kết chuyển lãi

+, Nợ 821: 993.862.344

Có 3334: 993.862.344

+, Nợ 911: 993.862.344

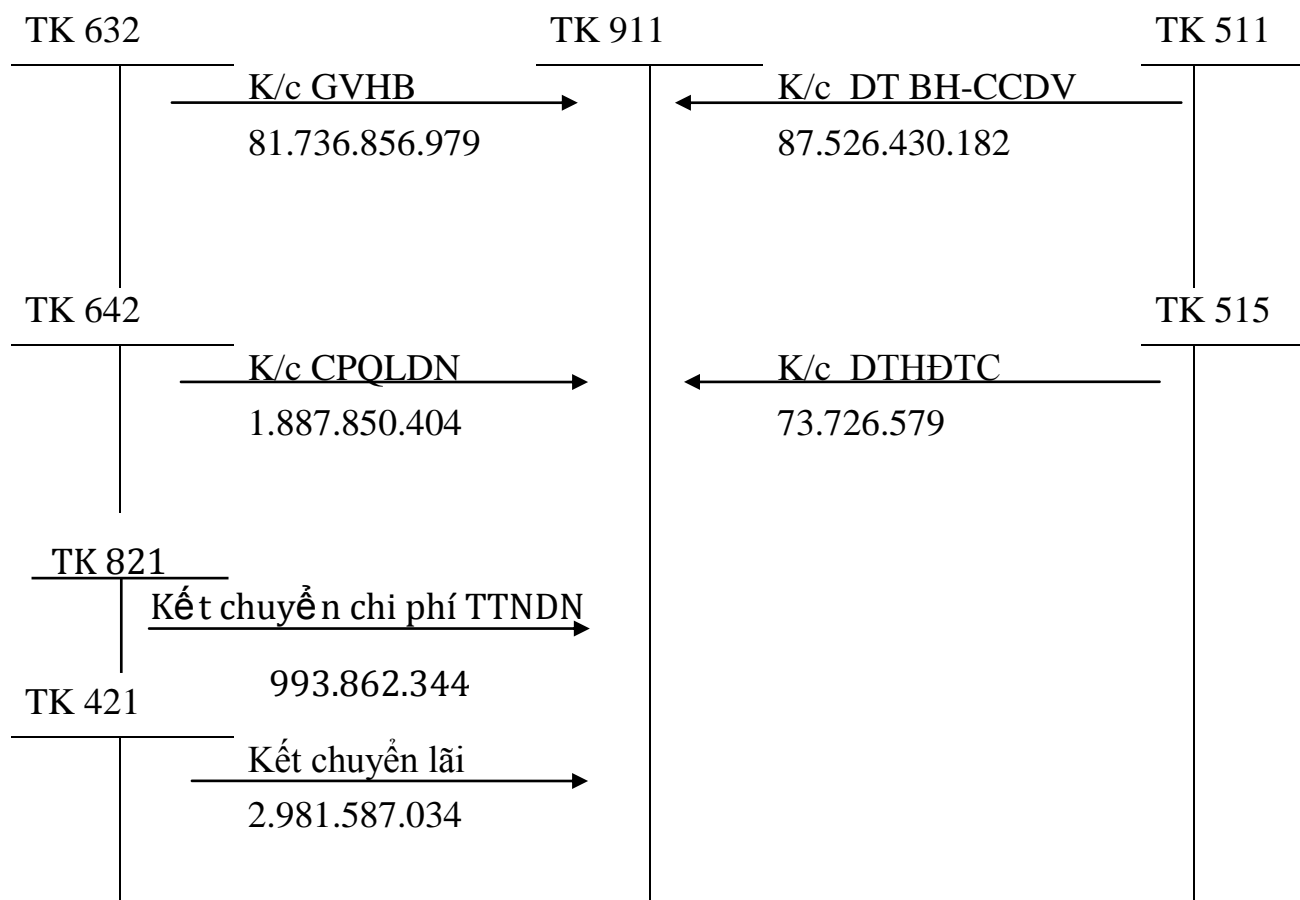
Có 821: 993.862.344

+, Nợ 911: 2.981.587.034

Có 421: 2.981.587.034

Bút toán kết chuyển được thực hiện lần lượt từ các Phiếu kế toán số 40 (Biểu 2.23), Phiếu kế toán số 41 (Biểu 2.24), Phiếu kế toán số 42 (Biểu 2.25), Phiếu kế toán số 43 (Biểu 2.26), Phiếu kế toán số 44 (Biểu 2.27), Phiếu kế toán số 45 (Biểu 2.28), Phiếu kế toán số 46 (Biểu 2.29). Từ số liệu trên vào Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 911, 821, 421.

Sơ đồ 2.8: Kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2014



Biểu 2.23

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải
Mẫu số 04 – TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 40

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Nội Dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	Kết chuyển doanh thu BH - CCDV	511	911	87.526.430.182
	Cộng			87.526.430.182

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.24

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải
Mẫu số 04 – TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 41

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>STT</i>	<i>Nội Dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
01	Kết chuyển Doanh thu HĐTC	515	911	73.726.579
	Cộng			73.726.579

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.25

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải
Mẫu số 04 – TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 42

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>STT</i>	<i>Nội Dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
01	Kết chuyển GVHB	911	632	81.736.856.979
	Cộng			81.736.856.979

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.26

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải
Mẫu số 04 – TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 43

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>STT</i>	<i>Nội Dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
01	Kết chuyển CPQLDN	911	642	1.887.850.404
	Cộng			1.887.850.404

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.27

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải
Mẫu số 04 – TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 44

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>STT</i>	<i>Nội Dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
01	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	993.862.344
	Cộng			993.862.344

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.28

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KTCT
Thủy lợi An Hải

Mẫu số 04 – TT (Ban hành theo QĐ số
15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 45

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>STT</i>	<i>Nội Dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
01	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	821	993.862.344
	Cộng			993.862.344

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.29

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KTCT
Thủy lợi An Hải

Mẫu số 04 – TT (Ban hành theo QĐ số
15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 46

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>STT</i>	<i>Nội Dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
01	Xác định kết quả kinh doanh	911	421	2.981.587.034
	Cộng			2.981.587.034

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.30

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI
CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 260

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu BH - CCDV	511	911	87.526.430.182
Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	73.726.579
Cộng	x	x	87.600.156.761

Kế toán ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký ghi họ tên)

Biểu 2.31

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI
CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 261

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển GVHB	911	632	81.736.856.979
Kết chuyển CP QLDN	911	642	1.887.850.404
Kết chuyển CP thuế TNDN phải nộp	911	821	993.862.344
Xác định kết quả kinh doanh	911	421	2.981.587.034
Cộng	x	x	87.600.156.761

Kế toán ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký ghi họ tên)

Biểu 2.32

Đơn vị: Công ty TNHH MTV KT CÔNG

Mẫu số: S02b-DN

TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: Số 781 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng,

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Thành phố Hải Phòng

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2014

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
125	31/12	42.719.958.999
126	31/12	44.806.471.183
127	31/12	2.191.616.216
...
187	31/12	12.563.870.120
...		
210	31/12	81.736.856.979
...
250	31/12	32.645.719.232
251	31/12	100.824.602.007
...		
259	31/12	993.862.344
260	31/12	87.600.156.761
261	31/12	87.600.156.761
Cộng		837.051.606.721

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng
dấu)

Biểu 2.33

Công ty : TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Đ/C : Số 781 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: 911

Số hiệu TK: Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		SD ĐK			
		SPS			
260	31/12	Kết chuyển DT BH - CCDV	511		87.526.430.182
260	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	515		73.726.579
261	31/12	Kết chuyển GVHB	632	81.736.856.979	
261	31/12	Kết chuyển CPQLDN	642	1.887.850.404	
261	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	821	993.862.344	
261	31/12	Xác định kết quả kinh doanh	421	2.981.587.034	
		Tổng số phát sinh		87.600.156.761	87.600.156.761

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 2.34

Công ty : TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Đ/C : Số 781 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: 821

Số hiệu TK: Chi phí thuế TNDN

Năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		SD ĐK			
		SPS			
259	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	993.862.344	
261	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	911		993.862.344
		Tổng số phát sinh		993.862.344	993.862.344

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.35

Công ty : TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Đ/C : Số 781 Tôn Đức Thắng, Hồng Bàng

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: 421

Số hiệu TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		SD ĐK			xxx
261	31/12	Lãi năm 2014	911		2.981.587.034
		Tổng số phát sinh			2.981.587.034
		SDCK			2.981.587.034

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải

Nền kinh tế luôn vận động và phát triển mạnh mẽ. Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Do đó, bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít khó khăn do những yếu tố khách quan của thị trường và cả những yếu tố chủ quan khác tác động. Mặc dù vậy, công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, ngày càng khẳng định vị trí của mình trên thị trường.

Trong công tác kế toán: công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán, đặc biệt là trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán công ty đã thực hiện và áp dụng các chế độ kế toán Nhà nước một cách triệt để, đúng với yêu cầu và nguyên tắc kế toán đặt ra.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận của quá trình kế toán của công ty. Vì vậy, nó không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thông tin của nhà quản lý.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải, được tiếp cận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ từ các nhân viên phòng Tài vụ công ty em đã có điều kiện làm quen với thực tế và củng cố những kiến thức đã học tại trường. qua đó em xin đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải.

3.1.1 Ưu điểm

❖ Về bộ máy quản lý

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung

cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

❖ Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty áp dụng theo mô hình tập trung có nhiều ưu điểm phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán, đáp ứng nhu cầu quản lý. Công ty xây dựng bộ máy kế toán tại văn phòng Công ty, trong đó kế toán trưởng là người đứng đầu giám sát và quản lý mọi việc. Việc xây dựng và tổ chức bộ máy kế toán như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hạch toán nhanh chóng kịp thời của kế toán với các hoạt động phát sinh tại Công ty, tạo điều kiện cho đội ngũ kế toán nâng cao trình độ nghiệp vụ, hạn chế những khó khăn trong việc phân công công việc.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của công ty.

❖ Về đội ngũ kế toán của công ty

Công ty có đội ngũ kế toán năng động nhiệt tình, luôn học hỏi kiến thức phục vụ cho công việc kế toán. Các kế toán viên có trình độ chuyên môn tốt, thích nghi nhanh với công việc. Trong quá trình làm việc, nhân viên phòng kế toán luôn mạnh dạn đề xuất ý kiến, đưa ra trao đổi các vấn đề liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh trong Công ty để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại công ty.

❖ Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán

Hệ thống tài khoản kế toán của doanh nghiệp đều theo hệ thống tài khoản kế toán của quyết định 15/2006/QĐ – BTC.

Công ty đã tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ Tài Chính. Ngoài ra còn để tiện cho việc theo dõi hạch toán Công ty đã mở thêm các tài khoản cấp 2 để tiện cho việc theo dõi và hạch toán chi tiết.

❖ Về hệ thống sổ kế toán

Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Sổ cái cho phép người quản lý theo dõi được các nội dung kinh tế.

❖ Về công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2 Hạn chế

Trong thời gian vừa qua, công ty đã cố gắng xây dựng bộ máy quản lý cũng như xây dựng bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện hơn, nhằm hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý và công ty đã đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, cùng với những mặt ưu điểm thì công tác hạch toán kế toán của công ty vẫn còn những mặt tồn tại.

❖ Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán tại Công ty được phân công công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không hợp lý, một nhân viên kế toán đôi khi phụ trách nhiều công việc dễ dẫn đến sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc.

Công ty có trang bị hệ thống máy vi tính, tuy nhiên lại chưa sử dụng phần mềm kế toán mà lại thực hiện thủ công trên Excel dẫn đến việc xảy ra nhiều sai sót, mất thời gian làm sổ sách kế toán.

❖ Về việc lưu giữ và luân chuyển chứng từ

Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Hiện nay việc lưu giữ và bảo quản chứng từ vẫn chưa hợp lý, chưa có sự ký nhận giữa các bên khi bàn giao chứng từ. Điều đó có thể dẫn đến việc thất lạc

chứng từ mà không tìm ra được nguyên nhân ảnh hưởng đến việc hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Đối với công trình mà công ty nhận thầu ở tỉnh xa, các chứng từ ban đầu (Hoá đơn thuế GTGT, Bảng thanh toán lương, hợp đồng kinh tế ...) được nộp về phòng kế toán không đúng theo thời gian quy định dẫn đến có công trình đã thi công 1 hoặc 2 tháng rồi nhưng chưa có chi phí tập hợp, đến tháng sau lại tập hợp dồn cả mấy tháng. Điều này ảnh hưởng tới sự chính xác, kịp thời của số liệu .

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán

Tại chi nhánh công ty TNHH MTV KTCTTL An Hải nhận thầu nhiều công trình khác nhau của nhiều đơn vị khác nhau. Trong khi đó kế toán tại công ty không mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu cho từng công trình gây khó khăn cho việc theo dõi, xác định lợi nhuận gộp của từng loại hàng . Mặt khác chi nhánh cũng không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 642 nên không theo dõi được chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh cho từng tài khoản này.

❖ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Vật liệu sử dụng cho thi công công trình là do chủ công trình mua và chuyển thẳng đến chân công trình. Cuối kỳ đội trưởng các đội xây dựng mới gửi hóa đơn, chứng từ thanh toán về phòng kế toán, kế toán chỉ căn cứ vào hóa đơn mua vật liệu, chứng từ vận chuyển hoặc hóa đơn chứng từ vận chuyển ... để tiến hành nhập liệu ghi nhận chi phí nguyên vật liệu phát sinh trong kỳ. Mặc dù, việc mua nguyên vật liệu đã được tính toán theo dự toán và kế hoạch thi công nhưng thực tế có thể số vật liệu cuối kỳ còn lại tại các công trình do chưa sử dụng hết cũng chiếm một lượng không phải là nhỏ, do đó chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh trong kỳ có thể chưa được phản ánh chính xác. Thực tế chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh trong kỳ sẽ bao gồm giá trị nguyên vật liệu thực tế mua trừ đi phần giá trị còn lại chưa sử dụng cuối kỳ cộng thêm phần giá trị nguyên vật liệu còn lại tại công trình từ cuối kỳ trước.

- Chi phí nhân công trực tiếp:

Đối với lương của công nhân trực tiếp sản xuất và bộ phận quản lý sản xuất ở các đội xây lắp Công ty đã không sử dụng tài khoản 334- Phải trả công nhân viên để theo dõi việc chi trả lương cho công nhân viên, mà hạch toán thẳng vào chi phí sau khi đã xem xét tính hợp lý đúng đắn của chứng từ hóa đơn do đội trưởng cung cấp.

Cụ thể đối với nhân công trực tiếp, sau khi thanh toán tiền công cho tổ sản xuất, kế toán mới tiến hành nhập liệu theo định khoản:

Nợ TK 622 Chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 141 Tạm ứng khối lượng xây lắp các công trình

Với cách hạch toán như trên, việc hạch toán việc theo dõi phần thanh toán cho công nhân viên sẽ gặp hạn chế, rất khó theo dõi, xác định các khoản đã thanh toán, tạm ứng, số tiền còn phải thanh toán, còn phải thu đối với từng công nhân viên. Việc ghi sổ xác định chi phí nhân công, nhân viên quản lý trong tháng, trong kỳ cũng khá phức tạp bởi nhiều chi phí trong tháng này, kỳ này nhưng tháng sau, kỳ sau công ty mới trích, thanh toán.

- Chi phí sử dụng máy thi công:

Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn MTC, để phân bổ cho các công trình trong kỳ hạch toán, ngay cả khi khoản mục chi phí này phát sinh tương đối lớn. Công ty hạch toán khoản mục chi phí này như sau: trong kỳ hạch toán, công trình nào sử dụng MTC có phát sinh chi phí sửa chữa lớn thì khi công tác sửa chữa lớn hoàn thành, khoản chi phí sửa chữa lớn này được tính vào chi phí sử dụng MTC trong kỳ và cho vào giá thành của công trình đó. Đây là một điều không hợp lý vì một chi phí bỏ ra có tác dụng bảo dưỡng, sửa chữa máy trong nhiều kỳ nhưng chi phí chỉ được tính trong một kỳ...

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi An Hải

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết doanh nghiệp phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ phận quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách

chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng tài sản hợp lý của đơn vị mình. Hơn nữa, việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh còn có ý nghĩa lớn trong việc tăng cường quản lý tài chính giúp doanh nghiệp xác định được khả năng sinh lời của vốn kinh doanh trong từng thời điểm cũng như từng bộ phận kinh doanh. Thông qua việc phân tích các chỉ số tài chính trong quá khứ doanh nghiệp sẽ lập cho mình những kế hoạch cũng như những chiến lược kinh doanh cụ thể.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp xây lắp là làm sao thực hiện tốt việc luân chuyển vốn trong kinh doanh, làm tăng vòng quay của vốn để từ đó duy trì tốt hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Muốn làm được điều đó thì trước hết doanh nghiệp phải thực hiện tốt khâu bán hàng vì:

- Hoàn thiện quá trình này giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lập các Báo cáo tài chính cuối kỳ, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

- Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian, tạo thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của một doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, đưa ra phương hướng kinh doanh cho kỳ tới.

3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi An Hải

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, cá nhân em đã thấy được quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có rất nhiều điểm tích cực nhưng bên cạnh đó cũng có những mặt hạn chế. Trước yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, đồng thời nhằm tăng cường quản lý tài chính và việc ra quyết định của các nhà quản trị, trên cơ sở những kiến thức được học và thực tế, em xin đưa ra một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV

Khai thác công trình thủy lợi An Hải như sau:

Ý kiến 1: Hiện đại hóa công tác kế toán

Đến năm 2014, công ty vẫn sử dụng kế toán máy Excel. Để tăng hiệu quả của công tác kế toán, công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán. Công ty nên kết hợp kế toán máy Excel và phần mềm kế toán máy nhằm phát huy được những ưu điểm, hạn chế được những nhược điểm của hai hình thức.

Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế thị trường, sự ứng dụng khoa học công nghệ đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Để theo kịp thời đại và áp ứng yêu cầu quản lý, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán. Trên thị trường hiện nay, có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA,.. Công ty có thể tìm thêm các đối tác để mua hoặc đặt hàng phần mềm để phù hợp với đặc điểm kinh doanh và đặc điểm bộ máy kế toán. Hiện tại, phòng Tài vụ đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ công tác kế toán. Đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công ty. Công ty thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của công ty cho dù công ty là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm kế toán đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Phần mềm kế toán giúp tối ưu hóa quá trình kinh doanh để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Hơn nữa, nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh. Bên cạnh đó còn giúp quản lý các đầu mục chi phí một cách hợp lý... Từ đó, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cho công ty.

Ý kiến 2: Về việc luân chuyển chứng từ

Công ty cần phải xem xét lại quy chế đối với các công trình thi công ở xa và có thể áp dụng biện pháp phạt (ngừng cung cấp vốn, phạt tiền...) đối với đội xây dựng nào gửi hóa đơn chứng từ về muộn mà không có lý do chính đáng, làm ảnh hưởng tới quá trình hạch toán ở phòng kế toán.

Khối lượng công việc của kế toán đội là tương đối lớn, điều kiện làm việc lại không được thuận lợi, đòi hỏi tinh thần trách nhiệm cao. Do vậy, công ty cần có chính sách khuyến khích hơn nữa với những nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ như: tăng thưởng, phụ cấp lao động...

Kế toán công ty tổ chức hướng dẫn chi tiết nhân viên kế toán các đội lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất phát sinh dựa trên các bảng tổng hợp chi phí bộ phận

tại các công trình , hạng mục công trình trong tháng gửi kèm cùng các chứng từ gốc (hóa đơn, chứng từ vận chuyển...).

Cuối tháng hoặc đến cuối kỳ gửi chứng từ gốc về phòng kế toán công ty, kế toán đội sẽ gửi kèm bảng tổng hợp chi phí sản xuất. Kế toán công ty chỉ cần kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các chứng từ, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các chứng từ gốc với bảng tổng hợp chi phí sản xuất kèm theo xem xét việc phản ánh chi phí sản xuất phát sinh theo các khoản mục có đúng không, thực hiện những sửa đổi nếu có sai sót. Sau đó kế toán sẽ căn cứ vào dòng “tổng cộng” làm căn cứ tính toán chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ để tiến hành nhập liệu vào máy, và mã hoá theo từng yếu tố chi phí.

Ý kiến 3: Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Chi phí sử dụng máy thi công.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Kế toán công ty cần yêu cầu các nhân viên thống kê đội lập bảng kê vật liệu thừa chưa sử dụng hết ở công trình để có căn cứ phản ánh chính xác hơn chi phí NVLTT thực tế phát sinh.

Để lập bảng kê này, nhân viên thống kê đội cùng cán bộ kỹ thuật tiến hành kiểm kê xác định khối lượng vật liệu còn lại tại công trường để tiến hành tính toán ghi vào bảng kê. Bảng kê được lập theo từng công trình hoặc hạng mục công trình tại thời điểm hoàn thành. Công việc này cũng có thể thực hiện vào cuối tháng (nếu điều kiện cho phép). Bảng kê NVL còn lại cuối kỳ có thể lập theo mẫu :

Công ty TNHH MTV KTCTTL An Hải

Công trình:.....

BẢNG KÊ NVL CÒN LẠI CUỐI KỲ

Ngày..... tháng...năm...

STT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng cộng					

Dòng tổng cộng ở cột thành tiền cho biết tổng giá trị NVL còn lại cuối kỳ, là căn cứ để tính toán xác định chi phí NVLTT thực tế phát sinh để tiến hành nhập liệu. Nếu ở các đội thực hiện lập bảng kê NVL còn lại cuối kỳ chưa sử dụng thì cuối tháng kế toán tính toán xác định CPNVLTT phát sinh để tiến hành nhập liệu.

Để thực hiện việc lập bảng kê vật liệu còn lại cuối kỳ và bảng tổng hợp chi phí sản xuất đòi hỏi nhân viên kế toán đội phải có trình độ nhất định về kế toán. Do đó ban tài chính kế toán cần tổ chức hướng dẫn đào tạo cơ bản về lập các chứng từ nói trên cho các nhân viên thống kê đội.

Nếu điều kiện công ty không cho phép không thể tổ chức việc kiểm kê NVL còn lại cuối kỳ ở các công trình thì cũng cần phải tổ chức kiểm kê lượng vật liệu còn lại chưa sử dụng tại công trường xây dựng khi công trình đã hoàn thành. Bởi nguyên vật liệu dù được mua dựa trên tính toán theo dự toán và kế hoạch thi công song việc thừa vật liệu trong thi công là điều khó tránh khỏi cho dù là không nhiều. Khi đó tùy theo phương thức xử lý lượng vật liệu thừa này mà thực hiện hạch toán cho phù hợp :

Nếu chuyển số vật liệu này sang thi công công trình khác : kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 621 (chi tiết công trình nhận vật liệu)

Có TK 621 (chi tiết công trình thừa vật liệu)

Nếu thực hiện bán số vật liệu thừa không sử dụng hết kế toán có thể tính toán xác định giá vốn vật liệu thừa đem bán và ghi nhận doanh thu. Song do lượng vật liệu thừa thường ít kế toán có thể ghi giảm chi phí tương ứng với số tiền thu được theo định khoản :

Nợ TK 111,112,131,...

Có TK 3333 (nếu có)

Có TK 621 (chi tiết cho công trình thừa vật liệu)

Tại công trình “Kè sông Chanh Dương” giả sử có bảng kê NVL chưa sử dụng cuối năm như sau:

Công ty TNHH MTV KTCTTL An Hải

Công trình: Kè Sông Chanh Dương

BẢNG KÊ NVL CÒN LẠI CUỐI KỲ

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Xi Măng PC40	Tấn	9.5	705.650	6.703.675	
2	Cát vàng	m3	110	35.000	3.835.000	
...
	Tổng cộng				37.059.700	

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Căn cứ vào bảng kê NVL còn lại cuối kỳ kế toán xác định lại CPNVL thực tế sử dụng trực tiếp cho thi công công trình “Kè sông Chanh Dương” là:

$$7.001.517.638 - 37.059.700 = 6.964.457.938$$

Khi đó, giá thành của công trình giảm còn:

$$16.168.121.804 - 37.059.700 = 16.131.062.104$$

- Chi phí nhân công trực tiếp

Để theo dõi việc tính và chi trả lương cho công nhân viên, Công ty nên hạch toán lương thông qua TK 334, chi tiết: 3341 - Phải trả công nhân viên trong danh sách; 3342 - Phải trả công nhân thuê ngoài.

Khi tính lương cho công nhân trực tiếp thi công, kế toán sẽ nhập vào máy theo định khoản:

Nợ TK 622: 300.637.616

Có TK 3342: 300.637.616

Đồng thời căn cứ vào chứng từ thanh toán, kế toán nhập liệu theo định khoản:

Nợ TK 3342: 300.637.616

Có TK 1413: 300.637.616

- Chi phí sử dụng máy thi công:

Để đảm bảo tính chính xác và đầy đủ, Công ty không nên hạch toán chi phí CCDC máy thi công vào TK623.2, mà chỉ nên hạch toán chi phí NVL máy thi công vào tài khoản này. Để hạch toán chi phí CCDC máy thi công, Công ty nên mở thêm một TK cấp 2 khác như TK623.3.

- Về trích trước chi phí sửa chữa lớn máy thi công: hàng quý kế toán nên căn cứ vào tuổi thọ kỹ thuật, thời gian sử dụng máy thi công, số khấu hao đã trích lập để lập kế hoạch sửa chữa lớn cho từng xe, máy. Khi đó kế toán hạch toán như sau:

+ Khi trích trước chi phí sửa chữa lớn xe, máy ghi:

Nợ TK623: Số trích trước sửa chữa lớn xe, máy thi công

Có TK335: Số trích trước sửa chữa lớn xe, máy thi công

+ Khi sửa chữa lớn máy thi công thực tế phát sinh, kế toán định khoản:

Nợ TK335 : Chi phí thực tế sửa chữa lớn máy thi công

Có TK111,112,331: Chi phí thực tế sửa chữa lớn máy thi công

Ý kiến 4: Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán tại Công ty TNHH MTV KTCTTL An Hải

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô, quy trình kinh doanh và mục đích quản trị tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện nên bao gồm cả hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Tuy nhiên khi hạch toán kế toán, công ty mới chỉ ghi sổ Chứng từ ghi sổ và Sổ Cái. Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại công ty, em nhận thấy công ty nên lập các Sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản chi phí, đồng thời cũng nắm rõ được tình hình phát sinh, tăng giảm của từng loại chi phí, từ đó, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý chi phí một cách chính xác, có hiệu quả hơn.

Về phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: do chưa mở sổ Chi tiết bán hàng nên kế toán không theo dõi được doanh thu của từng công trình. Việc mở Sổ chi tiết bán hàng (Mẫu S35-DN ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) sẽ giúp cho công ty theo dõi được doanh thu, giá vốn, lãi gộp của từng công trình. Qua đó, Công ty có thể xem xét và so sánh kết quả thực hiện giữa các công trình với nhau để đưa ra được đánh giá về việc thực hiện xây dựng, quản lý công trình nào tốt, công trình nào còn chưa tốt, từ đó có các biện pháp hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vì vậy, việc theo dõi trên Sổ chi tiết bán hàng là rất cần thiết, nếu không Công ty chỉ xác định được tổng doanh thu trong kỳ, tính chung cho tất cả các công trình.

Về phần giá vốn hàng bán: Do chưa mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu S36-DN ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) theo dõi chi tiết cho TK 632 nên kế toán chưa theo dõi được phần giá vốn hàng bán của từng công trình phát sinh trong kỳ, vì vậy việc tổng hợp giá vốn của từng hạng mục công trình là rất khó khăn. Với Sổ chi tiết TK 632 hiện kế toán đang theo dõi chỉ có thể tính được giá vốn chung của tất cả các công trình, cho nên mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh sẽ giúp kế toán theo dõi giá vốn hàng bán cho từng công trình dễ dàng hơn.

Về phần chi phí quản lý doanh nghiệp: do chưa mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu số S36-DN ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) nên khi phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động quản lý, kế toán chỉ theo dõi chung trên TK 642 mà không chia ra thành các yếu tố. Việc theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp theo từng yếu tố sẽ giúp Công ty nắm bắt và quản lý chi phí dễ dàng hơn. Công ty nên mở tiểu khoản cấp 2 cho TK 642, tài khoản này được mở chi tiết thành 8 tiểu khoản, nội dung của

các tiêu khoản này bao gồm:

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, ... vật liệu sử dụng cho sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ, ...

- TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.

- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, ...

- TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, tiền thuê đất, ... và các khoản phí, lệ phí khác.

- TK 6426 - Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, ...

- TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí đã kể trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, ...

Lấy lại ví dụ ở phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0000708 xuất cho Ban quản lý dự án các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Vĩnh Bảo, kế toán tiến hành nhập vào các sổ sách liên quan (như trên), sau khi nhập vào sổ chi tiết TK 511 kế toán nhập vào Sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 2.1).

- Sau khi kế toán xác định được giá vốn của công trình, kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán 42, từ số liệu trên kế toán vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi chi tiết cho TK 632 (Biểu số 2.2).

- Kế toán mở Sổ CP sản xuất kinh doanh theo dõi chi tiết cho TK 642 (Biểu số 2.3), khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán sẽ có thể theo dõi chi tiết theo từng yếu tố.

Biểu 2.1

Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ): Công trình xây dựng sửa chữa kè sông Chanh Dương

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
SH	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
HĐ0000708	28/12	Kè sông Chanh Dương	131	1	16.861.514.545	16.861.514.545		
		Cộng phát sinh			16.861.514.545	16.861.514.545		
		Doanh thu thuần				16.861.514.545		
		Giá vốn hàng bán				16.168.121.804		
		Lãi gộp				693.392.741		

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 2.2

Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632- Giá vốn hàng bán

Tháng 12/2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chia ra		
SH	Ngày tháng						
		SDĐK					
PKT42	31/12/2014	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	16.168.121.804			
		Cộng phát sinh		16.168.121.804			
		Ghi có TK 154		16.168.121.804			
		SDCK					

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 2.3

Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi An Hải

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642- Chi phí quản lý kinh doanh

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chia ra					
SH	Ngày tháng				6421	6422	6424	6425	6427	6428
		SDĐK								
GBN 73	7/12/2014	Phí chuyển tiền	112	15.000				15.000		
PC 322	14/12/2014	Trả cước điện thoại	111	1.862.303					1.862.303	
PC441	22/12/2014	Chi phí tiếp khách	111	2.095.000						2.095.000
....
PKT 30	31/12/2014	Tính lương tháng 12	334	385.236.965	385.236.965					
PKT33	31/12/2014	Khấu hao TSCĐ tháng 12	214	21.162.216			21.162.216			
		Cộng phát sinh		611.124.000	467.006.399	40.355.843	21.162.216	30.326.952	26.289.635	25.982.955
		SDCK								

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ý kiến 5: Cắt giảm chi phí hiệu quả

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp phải bỏ ra nhiều khoản chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình như: chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí hao mòn trang thiết bị máy móc, chi phí vận chuyển... Những khoản chi phí này ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó doanh nghiệp cần phải quan tâm tới công tác quản lý chi phí vì chi phí không hợp lý, không đúng mục đích sẽ làm giảm hiệu quả đạt được của doanh nghiệp. Giảm chi phí để nâng cao lợi nhuận không có nghĩa là cắt giảm những khoản chi phí một cách tùy tiện vì làm như vậy sẽ phản tác dụng bởi lẽ doanh thu luôn tương xứng với các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra. Do đó thực chất của các biện pháp giảm chi phí là quản lý tốt các khoản chi phí, tránh lãng phí, thất thoát chi phí, loại bỏ những chi phí không hợp lý.

►Tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu.

Trong toàn bộ chi phí của một công trình, chi phí vật tư thường chiếm tỷ trọng rất lớn, do vậy xí nghiệp cần tăng cường quản lý chặt chẽ trong lĩnh vực này. Nếu biện pháp thi công được tổ chức tốt, giá vật tư đúng với giá thị trường từng thời điểm và tiết kiệm triệt để hao phí vật tư thì sẽ nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh, ngược lại sẽ ảnh hưởng không tốt đến lợi nhuận, thậm chí gây thua lỗ cho Công ty. Đảm bảo các loại nguyên vật liệu cung ứng đủ về số lượng, kịp về thời gian, đúng về quy cách, phẩm chất cho các công trình thi công sẽ giúp cho Công ty hoạt động sản xuất đều đặn. Đồng thời cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng tốt còn là điều kiện nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu và tăng năng suất lao động. Vì vậy, việc cung ứng nguyên vật liệu phải được tiến hành liên tục, đều đặn theo đúng kế hoạch. Dự trữ nguyên vật liệu phải vừa đủ, bảo đảm cho quá trình sản xuất tiến hành bình thường, không dự trữ quá nhiều sẽ dẫn đến sự lãng phí làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh lên. Công ty nên căn cứ vào tiến độ thi công và tình hình kho bãi để dự trữ lượng nguyên vật liệu nhất định vừa đủ cho thi công và dự trữ dự phòng.

Hiện nay, Công ty có phạm vi hoạt động rộng với nhiều công trình xa, để tránh hao hụt trong vận chuyển Công ty nên mua vật liệu gần nơi thi công công trình. Đối với những nguyên vật liệu khan hiếm, Công ty cần tìm nguồn cung

cấp nguyên vật liệu thay thế có giá rẻ hơn song vẫn phải đảm bảo chất lượng của công trình. Bên cạnh đó, Công ty cũng nên mở rộng các mối quan hệ với nhà cung cấp, thanh toán đúng hạn để giữ mối quan hệ lâu dài về cung cấp vật tư.

Việc sử dụng vật tư vượt quá định mức cũng là nguyên nhân gây thất thoát vật tư. Công ty cần xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu đồng thời tổ chức quản lý chặt chẽ việc thực hiện định mức. Thông qua đó tiến hành thay đổi định mức cho phù hợp với thực tế hơn.

Ngoài ra, Công ty cũng nên có chế độ khen thưởng đối với cá nhân, tập thể sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu cũng như xử phạt đối với những cá nhân, tập thể sử dụng lãng phí nguyên vật liệu. Từ đó, nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi người trong quản lý, sử dụng vật tư và tránh được tình trạng xây dựng những công trình kém chất lượng phải phá đi làm lại.

➤ **Tăng năng suất lao động.**

Mua sắm thiết bị thi công tiên tiến để cơ giới hoá các khâu trong quá trình sản xuất là tiền đề để nâng cao năng suất lao động. Sử dụng máy móc tiên tiến trong thi công sẽ rút ngắn được thời gian thi công và nâng cao chất lượng công trình. Đối với những công trình thời gian thi công ngắn, khối lượng công việc nhiều, nếu không sử dụng máy thi công sẽ không hoàn thành đúng tiến độ đặt ra. Qua đó, có thể thấy được sự cần thiết của việc sử dụng máy móc trong thi công. Tuy nhiên, Công ty chỉ nên mua sắm những loại máy thật cần thiết để tránh việc sử dụng không hiệu quả do máy có quá nhiều thời gian nhàn rỗi không sử dụng đến.

Để khuyến khích người lao động tích cực hơn trong công việc. Công ty cần tính đúng, tính đủ tiền lương, tiền thưởng cho người lao động và thanh toán tiền lương, tiền thưởng đúng thời gian quy định. Công ty cũng nên có những chế độ khen thưởng cho những lao động xuất sắc có thành tích cao. Đồng thời Công ty phải chú ý bố trí đúng người, đúng việc và đúng bậc thợ để tránh tình trạng sử dụng lãng phí lao động. Đặc biệt nên có chế độ ưu đãi đối với đội ngũ bậc thợ có tay nghề cao, hàng năm tiến hành đào tạo tay nghề cho một số công nhân có tinh thần làm việc và sức khỏe.

➤ **Giảm chi phí sản xuất chung.**

Tại Công ty chi phí sản xuất chung bao gồm nhiều loại chi phí khác nhau như

chi phí nhân viên, chi phí NVL, CCDC... Để đảm bảo giảm giá thành sản phẩm Công ty cần phải tách biệt từng loại chi phí để giảm đến tối thiểu các chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung phát sinh ở các xí nghiệp, đội có liên quan đến công trình, hạng mục công trình. Công ty cần phải lập giới hạn cho từng yếu tố chi phí trong từng khoản mục chi phí đó. Các chi phí về NVL, CCDC dùng cho phân xưởng cần được sử dụng, quán triệt một cách đúng đắn và hợp lý, tránh sự lãng phí không cần thiết. Đồng thời, Công ty có thể mở thêm những lớp học ngắn hạn để nâng cao trình độ hiểu biết của cán bộ công nhân viên. Nhờ đó có thể góp phần làm giảm chi phí sản xuất chung, để hạ giá thành sản phẩm.

➤ Tổ chức khai thác tốt nguồn hàng, nguồn cung ứng đầu vào cho doanh nghiệp

Nguồn cung ứng đầu vào và chất lượng hàng đầu vào cho doanh nghiệp rất quan trọng bởi lẽ:

- Nguồn hàng và nguồn cung ứng đầu vào sẽ cung cấp cho doanh nghiệp hàng hoá, nguyên nhiên vật liệu cần thiết để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó doanh nghiệp có thể cung cấp hàng hoá cho thị trường phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng. Nếu doanh nghiệp không có nguồn hàng hoặc có nhưng không ổn định thì doanh nghiệp sẽ không có hàng hoá đáp ứng nhu cầu của thị trường hoặc nếu có thì cũng rơi vào tình trạng cung cấp không ổn định, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và làm giảm lợi nhuận mà doanh nghiệp đạt được.

- Sự ổn định và chất lượng của nguồn hàng tốt sẽ cho phép doanh nghiệp giảm được chi phí, nâng cao được chất lượng sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp ... góp phần làm giảm giá thành sản phẩm đầu ra của doanh nghiệp. Do vậy doanh nghiệp cần phải tạo các mối quan hệ thân thiện đối với các nhà cung cấp cho mình, đồng thời doanh nghiệp phải tìm kiếm nguồn cung cấp với giá rẻ, đa dạng hoá nguồn hàng và nguồn cung cấp để có được nguồn hàng và nguồn cung cấp đầu vào ổn định có chất lượng.

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung cuốn khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải*”

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn, em thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể tách rời trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ, phản ánh đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, Công ty đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty, do trình độ còn hạn chế và thời gian không có nhiều nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của công ty, em xin mạnh dạn đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán để em hoàn thiện bài khóa luận này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô, đặc biệt là GVHD – Thạc sĩ Ninh Thị Thùy Trang cùng các cô chú, anh chị phòng kế toán trong Công ty TNHH Một Thành Viên khai thác công trình thủy lợi An Hải đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành bài khóa luận.

Hải Phòng, ngày ... tháng...năm 2015

Sinh viên

Phạm Thị Hà Trang